



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 11/2021

Từ 15/03 - 19/03/2021

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

PHẢI CẢI CÁCH MẠNH MẼ HƠN ĐỂ ĐẤT NƯỚC TIẾN LÊN

Đề nghị tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh nguyên tắc luật dễ hiểu, dễ vận dụng, 1 luật cố gắng có 2 nghị định là nhiều nhất, 1 nghị định có không quá 1 thông tư và ban hành 1 văn bản thì phải hủy văn bản cũ; không để nợ đọng văn bản quy phạm pháp luật. “Cải cách đã là khó, cải cách hành chính đụng chạm đến bộ máy, đến con người thì càng khó hơn”.



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát biểu tại hội nghị. Ảnh: VGP/Quang Hiếu

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh điều này tại Hội nghị trực tuyến tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 diễn ra chiều ngày 18/3.

Tại Hội nghị, các ý kiến đã đi sâu phân tích, đánh giá và chỉ rõ những kết quả tích cực, nổi trội, những hạn chế cần khắc phục trong 10 năm triển khai chương trình tổng thể. Các đại biểu cũng đã khuyến nghị, hiến kế nhiều ý tưởng cải cách thiết thực, có tính chất gợi mở, làm cơ sở cho việc nghiên cứu, áp dụng nhằm giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, rào cản, hướng tới xây dựng một nền hành chính dân chủ, kỷ cương, chuyên nghiệp, hiện đại và có trách nhiệm giải trình cao trong thời gian tới.

Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã thúc đẩy chúng ta phải cải cách

Bày tỏ ấn tượng về các ý kiến phát biểu, kết luận hội nghị, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho biết, chúng ta có 4 cuộc cải cách lớn, đó là cải cách giáo dục, cải cách tiền lương, cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

Bốn việc khó này chúng ta đã cố gắng triển khai trong suốt 10 năm qua, đặc biệt là trong nhiệm kỳ này. Trong đó, cải cách hành chính liên quan nhiều đến bộ máy, thể chế, đội ngũ, sự nghiệp công, tài chính công với nhiều nội dung liên quan đến con người và bộ máy, do đó, càng phức tạp.

Khái quát kết quả cải cách hành chính, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, công tác này đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển đất nước.

Chúng ta hội nhập quốc tế sâu rộng, tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) và “chính các FTA này đã thúc đẩy chúng ta phải cải cách, nhất là cải cách hành chính”. Việt Nam được đánh giá là nền kinh tế có mức độ cải thiện điểm số, tăng hạng tốt nhất toàn cầu. Một loạt chỉ số của Việt Nam được các cơ quan, tổ chức quốc tế đánh giá có sự cải thiện cả về điểm số và vị trí xếp hạng so với năm 2011. Ví dụ, Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam duy trì xếp hạng cao, năm 2020 xếp thứ 42/131. Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu 2019, Việt Nam xếp thứ 67/141 quốc gia và nền kinh tế, tăng 10 bậc so với năm 2018, mức tăng cao nhất trên thế giới. Chỉ số Chính phủ điện tử năm 2020, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 86/193 quốc gia, tăng 2 bậc so với 2018, duy trì tăng hạng liên tục từ năm 2014 đến nay.

Thủ tướng Chính phủ dẫn lại bài viết trên trang Sputnik về câu chuyện thành công của Việt Nam, cho biết Việt Nam đã chứng minh cho thế giới thấy bản lĩnh và sức mạnh quốc gia, dân tộc khi thoát khỏi danh sách nước nghèo nhanh hơn bất kỳ nước nào trong lịch sử hiện đại và tạo nên kỳ tích tăng trưởng kinh tế, GDP khiến chính các nước láng giềng phải “ghen tị”. Bài viết đã phân tích yếu tố tạo nên câu chuyện thành công của Việt Nam và khẳng định thành công của Việt Nam không xuất phát từ yếu tố may mắn, không phải từ trên trời rơi xuống mà nhờ Chính phủ nhanh chóng thực hiện các biện pháp cải cách, phòng, chống dịch một cách quyết liệt ngay từ đầu.

Tóm tắt một số kết quả nổi bật về cải cách hành chính, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, trong 10 năm qua, công tác cải cách thể chế được quan tâm chỉ đạo sát sao, hướng vào phục vụ người dân, doanh nghiệp, phục vụ sự phát triển, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Trong giai đoạn 2011 - 2020, Chính phủ trình Quốc hội thông qua khoảng 200 dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, trong đó có nhiều văn bản mang tính nền tảng như Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Điều ước quốc tế, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp... Chính phủ, Thủ tướng ban hành khoảng 2050 văn bản quy phạm pháp luật; chính quyền địa phương ban hành gần 9.000 văn bản...

Cải cách thủ tục hành chính được xác định là một khâu đột phá, đã được triển khai mạnh mẽ ở tất cả các cấp hành chính. Thủ tướng Chính phủ nhắc lại câu chuyện trước đây sản xuất 1 thanh sô cô la “tồn” 13 loại giấy phép, thì hiện nay đã cải cách, loại bỏ hết các giấy phép này, nhưng sô cô la vẫn được sản xuất nhiều hơn. Chúng ta đã cắt giảm, đơn giản hóa 63% điều kiện kinh doanh, 68% danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành. Việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã đạt được những kết quả rất tích cực, việc giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận tiện, giảm thiểu tình trạng chậm muộn, những nhiễu, tỉ lệ giải quyết đúng hạn đạt 97,37%.

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước được đẩy mạnh; khắc phục về cơ bản những tồn tại, hạn chế trong giai đoạn trước. Ở Trung ương đã giảm 12 tổ chức cấp vụ và tương đương, giảm 4 tổng cục, 10 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ.

Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ lưu ý, thủ tục hành chính còn rườm rà, tình trạng gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp vẫn còn. Còn sự chậm trễ, “đá bóng qua lại” giữa các cơ quan. Vẫn còn những hiện tượng vòi vĩnh, đòi hỏi lộ khi làm các thủ tục. Tổ chức bộ máy nhiều nơi vẫn công kênh.

Cải cách hành chính phải làm cho đất nước hùng mạnh

Về định hướng cải cách hành chính thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nêu rõ, thực hiện chiến lược số hóa với cơ sở dữ liệu dân cư tốt hơn.

Tăng cường kiểm tra giám sát xử lý nghiêm tổ chức cá nhân vi phạm, tăng cường tính công khai minh bạch để cải cách hành chính sát cơ sở, sát người dân, phục vụ người dân tốt hơn, “làm sao tiếng kêu của người dân, của doanh nghiệp ít đi”.

Chính sách của chúng ta là dù công nghệ hiện đại thế nào nhưng vẫn hướng về người dân và doanh nghiệp, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước.

Công tác cải cách hành chính phải tiếp tục làm cho đất nước hùng mạnh, người dân, mọi tổ chức có khát vọng phát triển Việt Nam hùng cường vào năm 2045.

Yêu cầu quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh nội dung: “Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo...”.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030 một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

Bộ Nội vụ khẩn trương hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

Đề nghị tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế, Thủ tướng nhấn mạnh nguyên tắc luật dễ hiểu, dễ vận dụng, 1 luật cố gắng có 2 nghị định là nhiều nhất, 1 nghị định có không quá 1 thông tư và ban hành 1 văn bản thì phải hủy văn bản cũ; không để nợ đọng văn bản quy phạm pháp luật.

Những thể chế này tận dụng tối đa, hiệu quả những tri thức mới, công nghệ mới, kích thích mọi công dân và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế - xã hội cùng tham gia khởi nghiệp, làm giàu chính đáng và đóng góp cho sự thịnh vượng chung của đất nước.

Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, “làm sao việc giải quyết thủ tục của cơ quan Nhà nước ít tiếp xúc với người được giải quyết công việc để chống tham nhũng, tiêu cực, những nhiễu”.

Tăng cường thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm, “không phải việc gì các bộ, ngành cũng ôm hết”, khiến bộ máy phình ra. Cần xem lại mô hình tổng cục hiện nay.

Chúng ta có 58.000 đơn vị sự nghiệp công lập với hàng triệu biên chế, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu, đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần, đơn vị tự chủ. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan, đơn vị gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra.

Đổi mới mạnh mẽ lề lối, phương thức làm việc, thay đổi căn bản phương thức chỉ đạo điều hành, quản lý sang điện tử và dựa trên dữ liệu số; thực hiện chuyển đổi số quốc gia và xây dựng bộ máy hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số.

“Cải cách đã là khó, cải cách hành chính đụng chạm đến bộ máy, đến con người thì càng khó hơn. Và chúng ta đặt vấn đề phải cải cách mạnh mẽ hơn”, Thủ tướng nói. Cải cách đề đưa đất nước tiến lên.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: YÊU CẦU KHÔNG ĐỂ NỢ ĐONG NHIỆM VỤ

Thủ tướng Chính phủ đề nghị các Bộ, các cơ quan, địa phương không được chủ quan, không được sớm bằng lòng với kết quả đạt được, phải tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao với tinh thần quyết liệt, không để nợ đọng nhiệm vụ.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh điều này khi kết luận Hội nghị trực tuyến toàn quốc vào sáng ngày 16/3 tổng kết 5 năm hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ - một mô hình thiết chế thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ lần đầu tiên được thành lập.

Tặng Tổ công tác “8 chữ”

Thủ tướng Chính phủ cho rằng, mặc dù Hội nghị không quá đông nhưng có đủ các “thành phần” liên quan trực tiếp đến quyền lợi của doanh nghiệp, người dân, liên quan đến việc tháo gỡ khó khăn, đến việc giảm tối đa những nhiễu ảnh hưởng đến sự phát triển đất nước.

Nhắc lại lý do thành lập Tổ công tác, Thủ tướng Chính phủ chia sẻ, đầu nhiệm kỳ này, chúng ta thấy nhiều vấn đề đặt ra như kỷ luật, kỷ cương hành chính, đặc biệt là chậm xử lý công việc cho người dân, doanh nghiệp. Nhiều cơ chế chính sách chậm đi vào cuộc sống, nhiều tầng, nấc trung gian gây cản trở sự phát triển. Cho nên, niềm tin của người dân, của doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Thủ tướng Chính phủ đã phát biểu tại phiên họp Chính phủ đầu

tiên của nhiệm kỳ này là không được “bắn chỉ thiên”, “cứ nói mà không có giải pháp kiểm tra, kiểm soát, thúc đẩy giải quyết”. Thủ tướng nêu rõ, ách tắc này phải được tháo gỡ, phải chỉ rõ địa chỉ của cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm xử lý.

“Khắc phục tình trạng “bắn chỉ thiên”, “trên bảo dưới không nghe”, “phép vua thua lệ làng” và với tinh thần thắt chặt kỷ cương phép nước, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Tổ công tác cùng với những biện pháp khác để giải quyết ách tắc, để cởi trói cho sản xuất, không để các cơ quan chậm trễ, không bỏ quên, bỏ sót việc, làm cản trở sự phát triển. Trong đó, có một việc rất khó là cắt bỏ thủ tục bởi việc này liên quan đến cắt bỏ quyền lợi, lợi ích cá nhân, cục bộ. Vì vậy, tại các phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng, Chính phủ đều nghe Tổ công tác báo cáo kết quả hoạt động để xem xét, quyết định xử lý các vấn đề đặt ra như sửa các văn bản, cắt bỏ các thủ tục...”

Thủ tướng Chính phủ ghi nhận, đánh giá cao kết quả của Tổ công tác, trong 5 năm qua, đã tiến hành 104 cuộc kiểm tra với 22 Bộ, cơ quan ngang Bộ, 2 cơ quan trực thuộc Chính phủ, 44 địa phương, 12 tập đoàn, tổng công ty Nhà nước. “Nhìn chung, Tổ công tác hoàn thành khá toàn diện cả 6 nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 1642/QĐ-TTg và Quyết định số 1289/QĐ-TTg”, với tinh thần quyết liệt, không ngại va chạm.

Việc thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao chuyên biến rất tích cực, đặc biệt tình trạng nợ đọng nhiệm vụ được chấn chỉnh. Đến nay, số nhiệm vụ quá hạn chỉ chiếm 1,8%, giảm gần 25% so với thời điểm Tổ công tác thành lập. Cả nhiệm kỳ Chính phủ, số đề án chưa trình chỉ chiếm 0,5%, chỉ bằng 1/4 so với cuối nhiệm kỳ trước. Thủ tướng Chính phủ nhắc lại, tháp tùng Thủ tướng Chính phủ đi công tác, làm việc với các Bộ, địa phương, thì trong nội dung đầu tiên khi phát biểu tại cuộc họp, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đều nêu “nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao anh đã được làm được đến đâu, còn những tồn tại nào”.

Hoạt động của Tổ công tác đã được Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đánh giá: “Việc thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ là cần thiết, Tổ hoạt động quyết liệt, không ngại va chạm đem lại hiệu quả tích cực. Đây là điểm sáng nhất cần phải đánh giá rõ và nhấn mạnh hơn...”.

Chính công tác kiểm tra đã góp phần ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách, khắc phục một phần quan trọng tình trạng “tham nhũng chính sách”, tư tưởng “cài cắm”, tạo rào cản, giấy phép con gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Điều đáng mừng nữa là tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết được khắc phục. Đến 13/3/2021, chỉ còn nợ đọng 14 văn bản của năm 2020 (trong khi đó, cuối nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII, Chính phủ nợ 58 văn bản; cuối nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, Chính phủ nợ 39 văn bản).

“Và chúng tôi đang phấn đấu không còn văn bản quy định chi tiết nợ đọng trước khi khai mạc kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIV vào ngày 24/3/2021”, Thủ tướng nhấn mạnh. Hoạt động của Tổ công tác đã lan tỏa hiệu ứng tích cực đến nhiều bộ, cơ quan, địa phương khác trong việc thực hiện nhiệm vụ giao.

Cho rằng càng làm thủ công, càng tiếp xúc trực tiếp giữa cơ quan Nhà nước với người dân, doanh nghiệp thì càng dễ xảy ra tiêu cực, Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao Tổ công tác đã áp dụng công nghệ trong quá trình xử lý.

“Chốt” lại phần đánh giá, Thủ tướng Chính phủ tặng Tổ công tác “8 chữ” là “Quyết liệt, Kịp thời, Hiệu quả, Thực chất”.

Không làm thay các bộ, ngành

Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ lưu ý một số việc. Nhiệm vụ quan trọng nhất của Văn phòng Chính phủ là xây dựng, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chương trình hành động, chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Có thể nói Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ làm việc có tốt không, có hiệu quả không là do triển khai công tác. Mọi việc cần chủ động, khoa học, phù hợp với thực tiễn diễn ra, ứng phó kịp thời với thay đổi của đời sống xã hội, có trọng tâm, trọng điểm, quyết liệt, quyết tâm cao. Tổ công tác phải tập trung vào nhiệm vụ quan trọng, chính yếu này.

“Thời gian qua các đồng chí đã dành nhiều thời gian triển khai khá rộng, nhiều hoạt động khác nhau. Thậm chí có những việc còn chồng lấn với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành. Các đồng chí phải chú ý tập trung một số việc trọng điểm chứ không phải tập trung nhiều quá vào cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính”.

Tổ công tác tại nhiều Bộ, cơ quan, địa phương chỉ dừng lại ở mức độ kiểm tra theo đầu việc, kiểm đếm công việc, theo dõi tiến độ mà chưa kiểm tra, đánh giá chất lượng, kết quả thực hiện theo yêu cầu đề ra. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều trường hợp vẫn còn hình thức, chưa thực chất, đối phó.

Tổ công tác không phải là cấp trên của các Bộ, ngành, địa phương mà chỉ được ủy quyền của Thủ tướng trong việc kiểm tra, đôn đốc, phát hiện. Vì thế, Tổ công tác không làm thay chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành. Trong quá trình này, cần hợp tác thân thiện, thẳng thắn, cùng phối hợp xử lý công việc chung.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, cần tăng cường phương thức lãnh đạo, có chủ trương đúng, việc tổ chức thực hiện là quan trọng nhưng nếu thiếu kiểm tra, đôn đốc thì kết quả chưa tốt. Bác Hồ từng nói: “Không có kiểm tra, giám sát thì coi như không có lãnh đạo”. Do đó, kiểm tra, đôn đốc là nhiệm vụ rất quan trọng, cần được phát huy hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới của mọi cấp, mọi ngành. “Chủ trương 1, biện pháp 10 thì kiểm tra, đôn đốc 20 thì mới thành công”.

Thành quả của chúng ta chỉ là bước đầu quan trọng, chứ không phải say mê với thành tích mà chưa thấy những bất cập, tồn tại của đất nước, của xã hội, kể cả Tổ công tác, Thủ tướng Chính phủ lấy ví dụ vẫn còn tình trạng trì trệ trong công việc, sự lạc hậu của một số thể chế chính sách.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị các Bộ, các cơ quan, địa phương không được chủ quan, không được sớm bằng lòng với kết quả đạt được, phải tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao với tinh thần quyết liệt, không để nợ đọng nhiệm vụ.

Bộ trưởng, Thủ trưởng Chính phủ các cơ quan ngang bộ tiếp tục đề cao vai trò, trách nhiệm, có giải pháp giải quyết dứt điểm tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản pháp luật để không nợ đọng. Không để tình trạng chông chéo, vướng mắc trong thể chế hiện hành, không để ban hành sai những thể chế kìm hãm sự phát triển.

Tất cả các bộ, cơ quan, địa phương trên cả nước có những giải pháp cụ thể thúc đẩy và nâng cao hoạt động của Tổ công tác của Bộ, cơ quan, địa phương trong đôn đốc, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, tiếp tục đổi mới phương thức.

Nguồn: baochinhpvu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG THƯỜNG TRỰC CHÍNH PHỦ: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - KHÂU ĐỘT PHÁ TẠO TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Chiều ngày 18/3, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hoà Bình, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ đã chủ trì Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2030.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hoà Bình, Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ nêu rõ: cải cách hành chính xuất phát từ đòi hỏi bức bách khi đất nước chuyển mạnh sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, với những cơ hội và thách thức mới, trong bối cảnh hội nhập và hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng, với những thời cơ thuận lợi cũng như khó khăn thách thức đan xen nhau, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Chính phủ đã ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 kèm theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 với hệ thống các giải pháp và bước đi phù hợp nhằm mục tiêu xây dựng nền hành chính nhà nước Việt Nam dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hoá, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đồng thời, cải cách hành chính đã được xác định là một trong 3 giải pháp quan trọng để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011 - 2020, với mục tiêu và giải pháp thực hiện cải cách hành chính đúng đắn, có cơ sở, phù hợp với thực tế đã tạo ra sự thay đổi căn bản nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn bộ hệ thống cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương. Cải cách hành chính đã thúc đẩy quá trình đổi mới kinh tế; dân chủ hoá đời sống xã hội; hội nhập kinh tế quốc tế; củng cố và duy trì ổn định chính trị; phòng chống tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trong 10 năm qua, cải cách hành chính đã được triển khai đồng bộ trên tất cả 6 nội dung: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước;

đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hoá nền hành chính.

Theo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, công tác cải cách thể chế được các cơ quan nhà nước trong cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương quan tâm, chỉ đạo sát sao. Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương thường xuyên quan tâm, tập trung chỉ đạo xây dựng các thể chế thuộc phạm vi quản lý, chú trọng việc xây dựng các dự thảo luật, pháp lệnh trình Quốc hội và ban hành một số lượng lớn nghị định hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh.

Thể chế về tổ chức bộ máy của hệ thống hành chính, về mối quan hệ giữa Nhà nước với người dân, về cải cách hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử tiếp tục được hoàn thiện, đổi mới. Đã đề cao các quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân tại các đạo luật trên các lĩnh vực từ dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Tổng số văn bản quy phạm pháp luật mà các bộ đã ban hành từ năm 2012 đến nay là hơn 8.600 văn bản.

Về cải cách thủ tục hành chính, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hoà Bình nhấn mạnh, đây được xác định là một khâu đột phá và đã được triển khai mạnh mẽ ở tất cả các cấp hành chính theo hướng đơn giản hoá, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của nhân dân. Việc triển khai thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính; việc cắt giảm điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm, đơn giản hóa dòng hàng đạt được nhiều kết quả tích cực. Tính từ đầu nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV đến tháng 11 năm 2020, đã cắt giảm, đơn giản hóa hơn 1.000 thủ tục hành chính, 3.893/6.191 điều kiện kinh doanh; 6.776/9.926 danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành; tổng chi phí xã hội tiết kiệm được khoảng hơn 18 triệu ngày công/năm, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm.

Các bộ, ngành đã có phương án xử lý 1.501 mặt hàng chùng chéo về thẩm quyền. Bước đầu đạt được một số kết quả trong thực hiện Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020. Đã cắt giảm, đơn giản hóa đơn giản hóa 63% điều kiện kinh doanh, 68% danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành. Việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã đạt được những kết quả rất tích cực, việc giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận tiện, giảm thiểu tình trạng chậm, muộn, những nhiễu, tỉ lệ giải quyết đúng hạn đạt 97,37%.

Đối với cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, việc xây dựng và ban hành các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các bộ, ngành Trung ương về cơ bản khắc phục được những tồn tại, hạn chế của các giai đoạn trước, bổ khuyết những thiếu sót thể chế về tổ chức và bộ máy, bảo đảm bao quát đầy đủ chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ.

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ cũng cho biết, các cơ quan Trung ương đã giảm 12 tổ chức cấp vụ và tương đương, giảm 4 tổng cục; 10 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ. Ở địa phương, tổ chức thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại TP. Hà Nội, Đà Nẵng; tổ chức chính quyền đô thị tại TP. Hồ Chí Minh; đã giảm 5 cơ quan chuyên môn, gần 1.000 tổ chức cấp phòng, gần 130 tổ chức cấp chi cục, gần 1.200 tổ chức cấp phòng thuộc chi cục; cấp huyện giảm gần 300 tổ chức; giảm biên chế 8,7% so với năm 2015.

Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Trong giai đoạn 2011 - 2020, các quy định về cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ trên tất cả các khâu từ tuyển dụng, sử dụng, bố trí, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, thăng hạng. Các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện, bố trí công chức đảm bảo theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí. Việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; việc tuyển dụng công chức, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, ứng dụng công nghệ thông tin; việc thu hút những người có tài năng vào làm việc trong các cơ quan nhà nước... bước đầu đạt kết quả tích cực.

Công tác quản lý cán bộ, công chức; đánh giá, phân loại công chức, viên chức, đặc biệt là việc chấn chỉnh công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức đã được đẩy mạnh triển khai thực hiện. Đã đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho 8,4 triệu lượt cán bộ, công chức. Cải cách chính sách tiền lương đã được quan tâm và đạt được những kết quả tích cực.

Về công tác cải cách tài chính công: Nhiều chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được ban hành, đã từng bước góp phần hoàn thiện chính sách về thuế, thu nhập, tiền lương và chính sách an sinh xã hội, trở thành động lực phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt hơn công bằng xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Công tác hiện đại hóa nền hành chính, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số là điểm sáng thúc đẩy thay đổi lề lối, phương thức làm việc của các cơ quan nhà nước. Cơ chế, thể chế, chính sách về khung pháp lý về xây dựng Chính phủ điện tử dần được hoàn thiện.

Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia tạo lập nền tảng Chính phủ điện tử từng bước được hoàn thiện như: Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Cổng dịch vụ công quốc gia, các Cơ sở dữ liệu quốc gia: về đăng ký doanh nghiệp, về bảo hiểm, về dân cư... Qua đó, đã được xây dựng, vận hành, tạo sự thay đổi rõ rệt về phương thức làm việc trong các cơ quan nhà nước cũng như giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, giúp tiết kiệm hàng chục nghìn tỷ đồng.

“Với kết quả đạt được cho thấy, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực, chỉ đạo sát sao, quyết liệt, linh hoạt và sáng tạo để nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, chính quyền địa phương các cấp đã tập trung đẩy mạnh cải cách nền hành chính, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi bằng được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tập trung chỉ đạo cải cách tốt thủ tục hành chính, phân cấp mạnh và làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân, khắc phục tình trạng chậm trễ, phiền hà đối với người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh kỷ luật, kỷ cương công vụ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để huy động mọi nguồn lực bảo đảm cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và thực

hiện tốt tiên bộ công bằng xã hội. Thông qua đó, kết quả cải cách hành chính ở nước ta thời gian qua đã có nhiều chuyển biến rất tích cực, có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được nhân dân và cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao”, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ nhấn mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được những kết quả tích cực trong cải cách hành chính giai đoạn vừa qua, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ cũng thẳng thắn chỉ rõ các hạn chế, yếu kém trên một số lĩnh vực cần tập trung có giải quyết khắc phục trong thời gian tới và đề nghị các đại biểu tập trung thảo luận, phân tích những kết quả đạt được. Qua đó, thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém, rút ra những bài học kinh nghiệm để từ đó đề xuất, xây dựng Dự thảo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 với những mục tiêu, nội dung mang tính cải cách nổi bật, có trọng tâm, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2021 - 2030 và những mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII với khát vọng mãnh liệt về một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHÌN LẠI CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUA NHỮNG CON SỐ

Cải cách hành chính đã tạo sự “bứt phá, hiệu quả” như yêu cầu hay chưa? Việc áp dụng công nghệ thông tin để hình thành các dịch vụ công trực tuyến đã đáp ứng được yêu cầu của người dân và doanh nghiệp hay chưa?... Đây là những vấn đề được nêu ra tại Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 vào chiều ngày 18/3.

Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019, số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra cũng tăng lên qua từng năm. Trong đó, năm 2019 có số đơn vị được kiểm tra nhiều nhất với số lượng 2.950. Công tác kiểm tra đã có tác động tích cực, tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hành động, kỷ luật, kỷ cương của người đứng đầu, đội ngũ công chức, viên chức trong triển khai cải cách hành chính của các Bộ, ngành, địa phương và từng cơ quan, đơn vị.

Ngày 12/3/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Theo đó, có 45 tỉnh, thành phố xây dựng đề án sắp xếp. Đến tháng 12/2020, đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.

Từ năm 2011 đến nay, tỷ lệ trung bình công chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ tại các Bộ, ngành là 99%, trong khi đó, tại các tỉnh, tỷ lệ này là khoảng 79,69%. Từ năm 2011 đến tháng 3/2020, trung bình tỉ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử tại các tỉnh, thành phố là 86,1%. Trong các năm 2018 và năm 2019 tỉ lệ này đạt 100%.

Giai đoạn 2016 - 2020 (tính đến tháng 3/2020), cả nước đã đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 5,4 triệu lượt cán bộ, công chức, viên chức. Việc áp dụng công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm quản lý cán bộ, công chức được thực hiện tại nhiều bộ, ngành và địa phương và bước đầu hình thành cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức.

Số lượng dịch vụ công trực tuyến tăng đều qua các năm. Cho tới quý II/2020, số dịch vụ công trực tuyến mức 3 cả nước là 38.833, dịch vụ công trực tuyến mức 4 cả nước là 17.959 dịch vụ. Từ năm 2015 đến tháng 3/2020, trung bình số lượng cơ quan, đơn vị xây dựng hoặc sử dụng phần mềm một cửa điện tử ở các bộ, ngành là 92 cơ quan đơn vị; trung bình trong 6 năm ở 63 tỉnh, thành phố là gần 5.800 cơ quan, đơn vị.

Giá trị trung bình kết quả Chỉ số cải cách hành chính cấp bộ và cấp tỉnh đều cho thấy xu hướng tăng, trong đó Chỉ số cấp bộ tăng 10,25% , cấp tỉnh tăng 10,47%. Chỉ số cải cách hành chính cấp bộ có 4 năm đạt giá trị trung bình trên 80%, trong khi đó, Chỉ số cấp tỉnh có 3 năm đạt giá trị trung bình trên 80%. Đáng chú ý, có tới 6/8 năm đánh giá, Chỉ số cải cách hành chính cấp bộ đạt giá trị trung bình cao hơn so với cấp tỉnh. Điều này cho thấy, kết quả cải cách hành chính ở địa phương còn gặp nhiều thách thức hơn, nhất là trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định của Trung ương về cải cách hành chính.

Số phiếu khảo sát hài lòng người bệnh nội trú của các bệnh viện thực hiện rất lớn và tăng dần hằng năm. Đến năm 2019 đã có trên nửa triệu lượt phiếu khảo sát hài lòng người bệnh nội trú. Đây là con số “khổng lồ”, cho thấy toàn hệ thống khám, chữa bệnh đang rất nỗ lực hướng tới sự hài lòng người bệnh. Tỷ lệ hài lòng chung của người dân trên cả nước năm 2019 đạt 83,62%.

Nguồn: baochinhpvu.vn

CẮT GIẢM 'RỪNG THỦ TỤC', GỠ KHÓ CHO DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI DÂN

Giảm “rừng thủ tục” trong kiểm tra chuyên ngành, giảm những rào cản liên quan đến thể chế, chính sách; cải cách hành chính, đổi mới lề lối làm việc trong các cơ quan nhà nước... là một trong số kết quả tích cực khẳng định sự hoạt động hiệu quả, sự nỗ lực, quyết liệt, quyết tâm, trách nhiệm của Tổ công tác trong thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao.

Phát hiện nhiều bất cập, chông chéo về cơ chế, chính sách

Phát biểu tại phiên họp của Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử ngày 10/3/2021, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Chủ tịch Ủy ban nêu rõ với việc ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025, lần đầu tiên chúng ta có kế hoạch tổng thể về triển khai Chính phủ điện tử ở Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương, các thành viên Ủy ban, các chuyên gia, doanh nghiệp đã có nhiều nỗ lực, tâm huyết trong xây dựng, triển khai Chính phủ điện tử, chuyển đổi số thời gian qua.

Nhắc lại Báo cáo khảo sát xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử năm 2020 của Liên hợp Quốc, xếp hạng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam đứng thứ 86/193 quốc gia, tăng 2 bậc so với năm 2018, Thủ tướng nêu rõ: “Qua đó, cho thấy chúng ta có rất nhiều cố gắng trong xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử”.

Có thể thấy rõ nhiều kết quả tích cực sau thời gian xây dựng Chính phủ điện tử vừa qua, trong đó nổi bật là nâng cao chất lượng phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; xây dựng các văn bản pháp lý nền tảng; đổi mới phương thức làm việc trong cơ quan hành chính Nhà nước và phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng tới Chính phủ không giấy tờ...

Những kết quả đạt được này có sự đóng góp của hoạt động Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ vì cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử là một trong các trọng tâm hoạt động của Tổ công tác.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng, Tổ trưởng Tổ công tác từng chia sẻ tại buổi kiểm tra các Bộ, ngành do Tổ công tác tổ chức hồi cuối tháng 8/2017 về tình hình cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành với hàng hóa xuất nhập khẩu, khi đó, một thực tế được nêu ra là: Để sản xuất một mặt hàng chocolate cần 13 giấy phép, một mặt hàng nguyên liệu sản xuất bánh kẹo phải theo 4 văn bản của cùng một bộ...

“Rừng” thủ tục kiểm tra chuyên ngành như vậy khiến cộng đồng doanh nghiệp phải chi tới 14.300 tỷ đồng/năm. Vào thời điểm đó, số mặt hàng chịu sự kiểm tra của 2 đến 3 Bộ, cơ quan rất lớn, lên tới 58% tổng số mặt hàng, trong khi thủ tục kiểm tra lại quá phức tạp...

Theo Tổ trưởng Tổ công tác, các cuộc kiểm tra chuyên đề đã kịp thời phát hiện nhiều bất cập, chồng chéo về cơ chế, chính sách; cắt giảm “rừng thủ tục” những rào cản liên quan đến thể chế, chính sách, dễ tạo kẽ hở để cán bộ thực thi công vụ sách nhiễu, tiêu cực; những khoảng trống pháp lý cần khẩn trương hoàn thiện và ban hành để đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước.

Các cuộc kiểm tra chuyên đề về cải cách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và việc rà soát, đơn giản, cắt giảm các điều kiện kinh doanh để tạo dư địa cho tăng trưởng đã tạo hiệu ứng tích cực, thúc đẩy các bộ, cơ quan nhận ra vấn đề để thay đổi, cải cách; tạo bước chuyển căn bản cả về chất và lượng trong cải cách, thực thi của các bộ, cơ quan, địa phương trong công tác cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh.

Tổ công tác đã kịp thời phát hiện nhiều quy định bất cập, chồng chéo về kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý, đang gây cản trở, khó khăn cho hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ đó, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, yêu cầu các bộ, cơ quan rà soát lại và bãi bỏ.

Từ chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đến nay, có 87 Luật, Nghị định, Thông tư về kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung và thay thế để cắt giảm 3.893/6.191 điều kiện kinh doanh, 6.776/9.926 danh mục hàng hóa phải điều kiện kinh doanh và 30 thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành; 1.501 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành chồng chéo đã xử lý, giao cho một đầu mối chịu trách nhiệm kiểm tra chuyên ngành (thuộc nhóm sản phẩm: Tờ điện, nồi hơi trong các xí nghiệp công nghiệp/giao thông vận tải; nhóm thiết bị gia dụng nhập khẩu; nhóm hàng hóa: Ra đa; hệ thống lạnh; sữa, sản phẩm từ sữa; chất hỗ trợ chế biến casein; bột, tinh bột có nguồn gốc từ thực vật...).

"Việc cắt giảm này đã giúp tiết kiệm cho xã hội, người dân, doanh nghiệp khoảng hơn 18 triệu ngày công/năm, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm", Tổ trưởng Tổ công tác Mai Tiến Dũng cho biết.

Kết quả này đã khẳng định sự nỗ lực, quyết liệt, quyết tâm, trách nhiệm của Tổ công tác trong việc thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao.

Các hệ thống thông tin tiết kiệm hơn 9.900 tỷ đồng/năm

Với các cuộc kiểm tra về xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính, Tổ công tác đã thúc đẩy mạnh mẽ các bộ, cơ quan, địa phương trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và việc triển khai kết nối liên thông gửi, nhận văn bản điện tử đạt được nhiều kết quả tích cực.

Tại các cuộc kiểm tra về xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính tại các bộ, cơ quan, địa phương và kiểm tra thực tế việc giải quyết các thủ tục hành chính tại các Trung tâm hành chính công, Tổ công tác đã truyền đạt yêu cầu, tinh thần quyết tâm, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính đã tạo sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động của các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao liên quan đến xây dựng Chính phủ điện tử; đã thay đổi, cải tiến căn bản lề lối, phương thức làm việc thông qua ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, hướng tới một nền hành chính hiện đại, hiệu quả, phi giấy tờ.

Hoạt động của cơ chế một cửa, một cửa liên thông, của các Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh đã giúp hạn chế phiền hà, những nhiễu, tiêu cực; tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp khi đến giao dịch với cơ quan hành chính Nhà nước; từng bước làm thay đổi mối quan hệ giữa cơ quan hành chính Nhà nước với người dân, doanh nghiệp.

Sau hơn 2 năm triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, đến nay, đã có 59/63 tỉnh, thành phố thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh; 100% bộ, ngành, địa phương đã kiện toàn hệ thống một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; chất lượng giải quyết hồ sơ đã được cải thiện rõ rệt khi tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt từ 97,37% trở lên.

Có địa phương đã thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo phương thức “5 tại chỗ” như Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh; nhiều địa phương đã gắn kết chặt chẽ giữa việc thiết lập một cửa “vật lý” và một cửa điện tử để tạo thuận lợi cho người thực hiện như các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Quảng Ninh, Đồng Nai, Cà Mau, Bình Dương...

Một số hệ thống thông tin nền tảng của Chính phủ điện tử do Văn phòng Chính phủ chủ trì xây dựng và đưa vào vận hành đã giúp đổi mới lề lối làm việc trong các cơ quan Nhà nước cũng như cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Các hệ thống thông tin: Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet), Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm Thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Cổng Dịch vụ công quốc gia được đưa vào vận hành giúp tiết kiệm chi phí xã hội ước tính trên 9.900 tỷ đồng/năm (theo cách tính của OECD) và nhận được phản hồi tích cực của xã hội.

Các hệ thống này cũng tạo sự thay đổi rõ rệt về phương thức làm việc giữa các cơ quan hành chính Nhà nước cũng như trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; vừa tạo lực kéo vừa tạo lực đẩy trong triển khai Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số; góp phần thực hiện mục tiêu kép của Chính phủ vừa phát triển kinh tế vừa hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19.

Trong các cuộc làm việc của Tổ công tác với các bộ, địa phương, Tổ trưởng Tổ công tác luôn nhấn mạnh từ đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết tâm xây dựng Chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động, phục vụ. Với quan điểm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc: “Nghĩ lớn, nhìn tổng thể, hành động nhanh, bắt đầu từ những việc nhỏ nhất”, việc cải cách thủ tục hành chính, xây dựng, triển khai Chính phủ điện tử thời gian qua đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các bộ, ngành, địa phương, tạo niềm tin trong nhân dân, vì nhân dân phục vụ.

Nguồn: baochinhpvu.vn

TỔ CÔNG TÁC CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: 5 NĂM HOẠT ĐỘNG - 5 CHUYỂN BIẾN LỚN

Trong 5 năm qua, Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ đã hoạt động rất chủ động, tích cực, đúng chức trách, nhiệm vụ; trung thực trong truyền đạt đầy đủ, kịp thời ý kiến chỉ đạo, lời động viên khen ngợi, cũng như những ý kiến nhắc nhở, phê bình của Thủ tướng đến các Bộ, cơ quan, địa phương được kiểm tra, tạo được những dấu ấn nổi bật cả về phương pháp, cách thức, kết quả đạt được trong hoạt động.

Sáng ngày 16/3, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì Hội nghị trực tuyến tổng kết 5 năm hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ.

Đôn đốc, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng, Tổ trưởng Tổ công tác cho biết, trong 5 năm qua, dưới sự chỉ đạo trực tiếp, quyết liệt, động viên kịp thời của Thủ tướng, với tinh thần, trách nhiệm cao, tất cả vì công việc chung, cùng với sự ủng hộ, đồng thuận của các bộ, cơ quan, địa phương, Tổ công tác đã hoạt động rất chủ động, tích cực, thường xuyên, đúng chức trách, nhiệm vụ.

Thường xuyên xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và trung thực trong truyền đạt đầy đủ, kịp thời ý kiến chỉ đạo, lời động viên khen ngợi, cũng như những ý kiến nhắc nhở, phê bình của Thủ tướng đến các Bộ, cơ quan, địa phương được kiểm tra. Qua đó đã tạo được những dấu ấn nổi bật cả về phương pháp, cách thức cũng như kết quả đạt được trong hoạt động của Tổ công tác.

Tổ công tác đã bám sát các ưu tiên, trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành và đòi hỏi của thực tiễn để xây dựng kế hoạch công tác; tiến hành đôn đốc, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, mang tính điển hình, bao quát từ một vấn đề, từ một bộ, ngành, địa phương để tạo hiệu ứng tích cực lan tỏa.

Trước nhiều cuộc kiểm tra, Tổ công tác tổ chức làm việc, nắm tình hình, lắng nghe các cơ quan tham vấn, hiệp hội doanh nghiệp phản ánh những vướng mắc, bất cập để bảo đảm sát thực tiễn; cử các đoàn tiên trạm đến rà soát, nắm tình hình cụ thể, báo cáo Tổ trưởng Tổ công tác. Sau mỗi cuộc kiểm tra, Tổ công tác đều có báo cáo, kiến nghị gửi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình và những biện pháp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn.

"Tổng cộng đã có hơn 300 nhiệm vụ cụ thể đã được Tổ công tác báo cáo, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để giao các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện", Tổ trưởng Tổ công tác cho biết.

Vừa lan tỏa, vừa tạo áp lực

Qua 5 năm hoạt động, những nỗ lực của Tổ công tác đã tác động, góp phần tạo chuyển biến quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ; kỷ luật, kỷ cương được nâng cao. Tổ trưởng Tổ công tác đã nêu 5 chuyển biến sau 5 năm hoạt động của Tổ công tác.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ giao, các đề án trong Chương trình công tác được cải thiện rất tích cực. Tỷ lệ nhiệm vụ quá hạn đến cuối năm 2020 chỉ còn 1,8%, giảm 23,4% so với thời điểm thành lập Tổ công tác. Tỷ lệ đề án chưa trình đến hết tháng 2/2021 chỉ còn 0,5%, bằng 1/4 so với cuối nhiệm kỳ trước (2,26%).

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế chuyển biến rõ rệt cả về phương pháp tiếp cận lẫn tiến độ trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Số văn bản quy định chi tiết chậm ban hành giảm thấp nhất từ trước đến nay. Đến 13/03/2021, chỉ còn 14 văn bản so với 58 văn bản nợ vào cuối nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII và 39 văn bản nợ vào cuối nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII.

Kịp thời kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ thực chất nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, của người dân và doanh nghiệp. Tổ công tác đã kịp thời đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo,

yêu cầu các bộ, cơ quan phải rà soát, sửa đổi, bãi bỏ nhiều quy định tại 87 văn bản quy phạm pháp luật về kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý, gây cản trở, khó khăn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Theo Tổ trưởng Tổ công tác, nhiều vấn đề được dư luận quan tâm, bức xúc, khó khăn trong sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp chậm được xử lý, giải quyết đã được Tổ công tác phát hiện, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đơn đốc giải quyết kịp thời.

Ví dụ như, việc xử lý hơn 24.000 container phế liệu nhập khẩu tồn đọng; tiêu hủy các lô hàng hải sản tồn kho cho người dân và doanh nghiệp 4 tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển, chống gian lận xuất xứ hàng hóa; vấn đề cấp phép nạo vét, khơi thông luồng lạch có tận thu; việc một mặt hàng có 2 - 3 Bộ hay đơn vị thuộc bộ quản lý, cá biệt nhất là sản xuất chocolate cần 13 giấy phép chuyên ngành... Những kết quả tháo gỡ kịp thời có được nêu trên có sự nỗ lực, cầu thị của các Bộ, cơ quan.

Cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử được thúc đẩy mạnh mẽ. Qua đó, đã góp phần tích cực tạo sự chuyên nghiệp, rõ rệt trong nhận thức và hành động của các Bộ, cơ quan, địa phương, cắt giảm hàng nghìn thủ tục hành chính; thay đổi lề lối và phương thức làm việc, chuyển mạnh từ thủ công sang môi trường điện tử cung cấp dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Việc đưa vào vận hành 4 hệ thống thông tin nền tảng của Chính phủ điện tử đã mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp; giúp cắt giảm 16.200 tỷ đồng/năm chi phí xã hội (theo cách tính của OECD)

Công tác phối hợp chuyển biến tích cực. Qua hoạt động của Tổ công tác, việc phối hợp giữa Văn phòng Chính phủ với các Bộ, cơ quan, địa phương ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn; nhiều nhiệm vụ khó, phức tạp, cấp bách được giải quyết, xử lý kịp thời. Các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận và đề xuất giải pháp tháo gỡ kịp thời.

Tổ trưởng Tổ công tác cho biết, qua 5 năm hoạt động, Tổ công tác luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, có nhiều đổi mới, sáng tạo và đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được Thủ tướng giao; nhiều lần được Thủ tướng Chính phủ khen ngợi, động viên, được sự ủng hộ của người dân, doanh nghiệp. Hoạt động của Tổ công tác vừa có tác động lan tỏa mạnh mẽ; vừa tạo áp lực, thúc đẩy các cơ quan, địa phương quyết liệt hơn, ý thức trách nhiệm cao hơn trong thực thi nhiệm vụ.

Học tập sáng kiến của Thủ tướng Chính phủ và kinh nghiệm hoạt động của Tổ công tác, 22 bộ, 63/63 địa phương đều đã thành lập Tổ công tác để theo dõi, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cũng như nhiệm vụ được lãnh đạo bộ, địa phương giao.

Một trong những kinh nghiệm được Tổ trưởng Tổ công tác nêu tại Hội nghị là phải phát huy mạnh mẽ, hiệu quả vai trò người đứng đầu, trong đó có Tổ trưởng Tổ công tác, từng thành viên Tổ công tác và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Làm việc quyết liệt, công tâm, trách nhiệm, không né tránh, ngại va chạm; tất cả vì công việc và đúng chức trách, nhiệm vụ được giao.

Từ thực tiễn hoạt động và kết quả đạt được, Tổ trưởng Tổ công tác kiến nghị Thủ tướng tiếp tục quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện để Tổ công tác tiếp tục phát huy hiệu quả, có nhiều đóng góp tích cực hơn nữa trong thời gian tới.

Nguồn: baochinhpvu.vn

GÓP PHẦN XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ 'LIÊM CHÍNH, KIẾN TẠO, HÀNH ĐỘNG, PHỤC VỤ'

Từ đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết tâm xây dựng Chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động, phục vụ và Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ đã góp phần đắc lực để thực thi quyết tâm này.

Sáng ngày 16/3, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì Hội nghị tổng kết 5 năm hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng, kể từ khi được Thủ tướng ký quyết định thành lập, ngày 19/8/2016.

Theo Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 138/2016/NĐ-CP, Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương và hằng tháng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương tại phiên họp Chính phủ thường kỳ.

Là một mô hình, thiết chế mới, chưa có tiền lệ, Tổ công tác đã xác định đây là công việc, nhiệm vụ nặng nề, sẽ gặp va chạm, áp lực, rào cản nhất định từ phía các Bộ, cơ quan được kiểm tra, đòi hỏi phải quyết tâm, sáng tạo, linh hoạt trong phương thức, cách thức hoạt động.

Nhưng với sự làm việc quyết liệt, công tâm, khách quan, không ngại va chạm, trong 5 năm qua, dưới sự chỉ đạo trực tiếp, động viên kịp thời của Thủ tướng Chính phủ, cùng với sự ủng hộ, đồng thuận của các bộ, cơ quan, địa phương, của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, Tổ công tác đã hoạt động rất tích cực, hiệu quả, tạo ra những thay đổi quan trọng trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và trong công tác hoàn thiện thể chế, xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính.

Sau 5 năm hoạt động, Tổ công tác đã thực hiện 104 cuộc kiểm tra đối với 22 Bộ, cơ quan ngang Bộ, 02 cơ quan thuộc Chính phủ, 44 địa phương, 12 Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

Trong đó, có 18 cuộc kiểm tra về việc thực hiện nhiệm vụ giao; 12 cuộc về công tác hoàn thiện thể chế; 21 cuộc về cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh; 19 cuộc đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ về thực hiện mục tiêu tăng trưởng; 10 cuộc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp; 14 cuộc về xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính; 08 cuộc đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình các đề án trong chương trình công tác; 01 cuộc về việc thực hiện các quy định liên quan

đến cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận, giả mạo xuất xứ; 1 cuộc về thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và việc bãi bỏ văn bản ban hành trái pháp luật của các bộ, cơ quan; 01 cuộc việc thực hiện nhiệm vụ giao liên quan đến thanh toán, trả nợ nước ngoài.

Ngoài ra, Tổ công tác đã có 16 buổi làm việc với các cơ quan, Hiệp hội, gồm Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, các Hiệp hội doanh nghiệp trong nước, Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam... và Hội đồng tư vấn du lịch để lắng nghe, nắm bắt những khó khăn về cơ chế, chính sách và những rào cản hành chính mà doanh nghiệp đang gặp phải.

Qua các cuộc kiểm tra, tinh thần, quan điểm, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ được quán triệt, đôn đốc thực hiện, góp phần đưa các giải pháp, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành những kết quả cụ thể, đi vào cuộc sống. Nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách và nhiều khoảng trống pháp lý, nhiều vấn đề tồn tại, bất cập, dư luận quan tâm, bức xúc liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành của các Bộ, cơ quan địa phương, nhiều bất cập, yếu kém trong công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đã được phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục và xử lý kịp thời.

Các Bộ, cơ quan, địa phương lãnh đạo quyết liệt hơn và sâu sát hơn trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ giao cũng như triển khai thực hiện các kiến nghị của Tổ công tác; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường, tạo chuyển động thực sự về kỷ luật, kỷ cương, góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ giao chuyển biến rõ nét, ngày càng thực chất. Đầu năm 2016, số nhiệm vụ quá hạn chiếm tới 25,2%. Đến cuối năm 2020, chỉ có 180/9.721 số nhiệm vụ quá hạn, chiếm 1,8% - giảm 23,4% so với trước thời điểm thành lập Tổ công tác.

Chất lượng Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ngày càng được nâng cao, việc điều chỉnh tiến độ trình, việc xin chuyển, xin rút cơ bản được khắc phục. Cả nhiệm kỳ 2016 - 2021 (tính đến hết tháng 02/2021) có 2.504 đề án giao, đã hoàn thành 2.492/2.504 đề án, đạt 99,5%, chỉ còn 12 đề án (chiếm 0,5%) chưa trình - giảm 47 đề án và chỉ bằng 1/4 so với cuối nhiệm kỳ trước.

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết có nhiều chuyển biến rõ rệt, số văn bản quy định chi tiết nợ đọng, chậm ban hành giảm thấp nhất từ trước đến nay - chỉ còn nợ đọng 3 văn bản quy định chi tiết của năm 2020.

Hoạt động của Tổ công tác cũng thúc đẩy mối quan hệ phối hợp công tác giữa Văn phòng Chính phủ với các bộ, cơ quan, địa phương ngày càng chặt chẽ, hiệu quả; mối quan hệ giữa Văn phòng Chính phủ và các hiệp hội doanh nghiệp ngày càng cởi mở, việc trao đổi, chia sẻ, phản ánh thông tin của doanh nghiệp trung thực, chính xác hơn.

Hoạt động của Tổ công tác đã góp phần hiện thực hóa quyết tâm và mục tiêu xây dựng Chính phủ liêm chính, Chính phủ kiến tạo, Chính phủ hành động, Chính phủ phục vụ hướng tới người dân, doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đánh giá, “hoạt động của Tổ công tác là một dấu ấn tích cực trong nhiệm kỳ Chính phủ, đã tạo lan toả mạnh mẽ trong toàn bộ hệ thống hành chính nhà nước”.

Thủ tướng Chính phủ mong muốn "Tổ công tác cần duy trì hoạt động tích cực hơn nữa, hiệu quả hơn nữa để tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác chỉ đạo, điều hành, đặc biệt là công tác hoàn thiện thể chế, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, củng cố niềm tin cho người dân và doanh nghiệp".

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NỘI VỤ: BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021; KẾ HOẠCH TRIỂN KHAİ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC, TRỰC THUỘC

*** Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của Bộ Nội vụ**

Ngày 31/12/2020, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định số 1164/QĐ-BNV ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của Bộ Nội vụ.

Với mục tiêu tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính của Bộ Nội vụ, bám sát các chủ trương, đường lối, chiến lược, nghị quyết về cải cách hành chính của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Nội vụ.

7 nhiệm vụ cụ thể trong cải cách hành chính

Về cải cách thể chế, tiếp tục hoàn thiện thể chế ngành Nội vụ trong đó tập trung xây dựng các văn bản, đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi); Luật Lưu trữ (sửa đổi); dự án Luật Thực hiện dân chủ cơ sở ở xã phường thị trấn; đề án cơ cấu Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026... nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đúng tiến độ theo kế hoạch đã được lãnh đạo Bộ phê duyệt.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức bộ máy, văn thư, lưu trữ, quản lý hội, quỹ và các tổ chức phi chính phủ, quản lý tín ngưỡng, tôn giáo.

Tổ chức tập huấn, tiếp tục nâng cao năng lực công chức, viên chức trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật. Tổ chức thực hiện kiểm tra việc soạn thảo, thực thi văn bản quy phạm pháp luật; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Nội vụ theo kế hoạch.

Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, đa dạng hóa các phương pháp tuyên truyền; lồng ghép công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính với công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Về cải cách thủ tục hành chính, tiếp tục thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, rà soát, đánh giá, công bố, công khai thủ tục hành chính theo quy định; kiểm soát việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các thủ tục hành chính, bảo đảm theo hướng đơn giản, minh bạch.

Thực hiện việc công bố, công khai các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ, hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại các đơn vị thuộc Bộ và tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại Bộ. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và giám sát thực hiện các thủ tục hành chính của các đơn vị thuộc Bộ.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước”; Rà soát, đánh giá quy định về việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính nhà nước.

Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ Nội vụ theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Về cải cách tổ chức bộ máy, tiếp tục rà soát, xây dựng phương án kiện toàn các đơn vị quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ theo quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phương án kiện toàn, sắp xếp của đơn vị quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ theo quy định. Tiếp tục hướng dẫn chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tiếp tục rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quy định về công tác cán bộ bảo đảm đồng bộ, liên thông giữa hệ thống văn bản của Đảng với các quy định của pháp luật. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

Tiếp tục thực hiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hợp lý gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; rà soát, hoàn thiện vị trí chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Nội vụ; tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức đúng với năng lực, tiêu chuẩn của vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Tiếp tục triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ Nội vụ. Tổ chức tập huấn và có biện pháp tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ công vụ ở các cấp, kể cả trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng và áp dụng chế độ thanh tra, kiểm tra công vụ ở các cấp, kể cả trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

Về cải cách tài chính công, tiếp tục thực hiện đẩy mạnh cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm chấp hành nghiêm kỷ luật tài chính, ngân sách, tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi thẩm quyền được giao; mở rộng công khai minh bạch tài chính đối với việc quản lý sử dụng ngân sách.

Tiếp tục cải tiến công tác dự toán, phân bổ, cân đối ngân sách nhà nước và quản lý chi tiêu để tạo sự chủ động và tăng cường trách nhiệm của các đơn vị, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kiểm tra, giám sát, tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của các đơn vị thông qua việc triển khai thực hiện Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 17/10/2015 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập...

Về hiện đại hóa hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, xử lý công việc nội bộ; xây dựng, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nội vụ; tiếp tục triển khai việc gửi, nhận văn bản điện tử trong nội bộ các đơn vị thuộc Bộ và giữa các Bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của

Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử trong hệ thống hành chính nhà nước; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong Bộ thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2021 của Bộ Nội vụ; tiếp tục cập nhật, triển khai kiến trúc Chính phủ điện tử, lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nội vụ.

Từng bước hiện đại hóa công sở cơ quan Bộ và các đơn vị, tiếp tục trang bị phương tiện làm việc theo tiêu chuẩn của Chính phủ về hiện đại hóa nền hành chính; đào tạo nâng cao kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với hành chính điện tử, xây dựng và thực hiện văn hóa công sở.

Đồng thời, nâng cao hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng; tổ chức các lớp đào tạo về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị thuộc Bộ trong việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tại các đơn vị thuộc Bộ.

Về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, xác định rõ và thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện các nội dung cải cách hành chính của Bộ kịp thời, có hiệu quả. Nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trong việc tổ chức triển khai chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Bộ, của đơn vị. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện cải cách hành chính thông qua các cuộc họp giao ban, cổng thông tin điện tử Bộ, của các đơn vị và các cơ quan báo chí trực thuộc Bộ. Trang bị các kiến thức và kinh nghiệm trong nước và nước ngoài về cải cách hành chính cho đội ngũ công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính. Tổ chức kiểm tra việc triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính của các đơn vị trực thuộc Bộ...

*** Kế hoạch triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc**

Ngày 10/3, Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc.

Theo Kế hoạch, mục đích triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Bộ Nội vụ theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. Nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định; đồng thời triển khai đồng bộ có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi kê khai, công khai, kiểm soát về tài sản, thu nhập không đúng quy định.

Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập

Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, gồm: a) Người đang là cán bộ, công chức (bao gồm cả những người được biệt phái) và người đang giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và

tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ. b) Người lần đầu giữ vị trí công tác nêu trên.

Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, gồm:

a) Những người đang giữ chức vụ gồm: Vụ trưởng và tương đương trở lên tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ; Vụ trưởng và tương đương trở lên tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Tôn giáo chính phủ; Trưởng Khoa, Trưởng ban và tương đương trở lên thuộc Học viện Hành chính Quốc gia; Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Nội vụ Hà Nội; Các chức danh khác có hệ số chức vụ lãnh đạo từ 0.9 trở lên.

b) Người được bổ nhiệm giữ các ngạch công chức và các chức danh kế toán viên, thanh tra viên, kiểm tra viên của Đảng.

c) Những người đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, gồm: Thẩm định nhân sự để trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Tổ chức tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế; Thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp; Thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các cấp; Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật; Phân bổ chỉ tiêu, ngân sách đào tạo; Thẩm định, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; Thẩm định, trình phê duyệt các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật; Trình phê duyệt hoặc thỏa thuận việc xây dựng các công trình ở khu vực bảo vệ II đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt; Quản lý các chương trình quảng cáo trên các phương tiện phát thanh, truyền hình, trên Internet của Bộ và các cơ quan, đơn vị; Phân bổ, thẩm định, quản lý các dự án, đề án thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông; Thẩm định dự án; Đấu thầu; Lập, phân bổ, quản lý kế hoạch vốn; Thực hiện chính sách đối với người có công; bảo trợ xã hội; Hợp tác, trao đổi khoa học và công nghệ có yếu tố nước ngoài; Phân bổ, thẩm định các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; Tuyển sinh vào các trường công lập; Phân bổ chỉ tiêu đào tạo đại học, sau đại học và chỉ tiêu đào tạo ở nước ngoài; Thẩm định, phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng của: Học viện Hành chính Quốc gia, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; Thẩm định sách giáo khoa, giáo cụ giảng dạy, các vật tư kỹ thuật khác phục vụ giảng dạy, nghiên cứu; Quản lý các dự án, đề án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học; Thủ quỹ, kế toán; Trợ lý quản lý học viên, tuyển sinh, chính sách, bảo hiểm của Học viện Hành chính Quốc gia, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội...

Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập bổ sung: Những người thuộc các đối tượng nêu tại tiểu Khoản 1.1 Khoản 1 Mục II của Kế hoạch này (trừ đối tượng đã kê khai hàng năm tại tiểu

Khoản 1.2 Khoản 1 Mục II của Kế hoạch này) khi có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) trở lên.

Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ: Những người thuộc các đối tượng nêu tại tiểu Khoản 1.1 Khoản 1 Mục II của Kế hoạch này khi dự kiến bầu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

Bên cạnh đó, Kế hoạch cũng đặt ra yêu cầu, công tác triển khai thực hiện việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị phải đảm bảo nghiêm túc, thống nhất, kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định, hiệu quả. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải nhận thức sâu sắc, ý nghĩa quan trọng trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn để thực hiện đúng quy định, góp phần phòng ngừa tham nhũng.

Nguồn: moha.gov.vn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: LUÔN NÊU CAO TINH THẦN TRÁCH NHIỆM

Trong suốt nhiệm kỳ 2016 - 2021, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước, nhân dân, chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và giải quyết công việc đúng phạm vi, thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của Chính phủ.

Tại phiên họp lần thứ 34 Ủy ban Pháp luật của Quốc hội sáng ngày 16/3, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Thị Thu Vân đã trình bày Báo cáo tóm tắt tổng kết công tác của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Đoàn kết, dám nghĩ, dám làm

Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Thị Thu Vân cho biết với phương châm xuyên suốt là xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân, trong suốt nhiệm kỳ 2016 - 2021, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và nhân dân, chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và giải quyết công việc đúng phạm vi, thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của Chính phủ.

Chính phủ luôn đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức với tinh thần đột phá, dám nghĩ, dám làm, năng động, đổi mới, sáng tạo, kiên định, quyết tâm hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Trong quản lý, điều hành, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn sâu sát thực tiễn, nhận diện đúng tình hình, tranh thủ thời cơ, chủ động biến thách thức thành cơ hội, tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến người dân, doanh nghiệp; chủ động rà soát, tháo gỡ các “điểm nghẽn” thể chế, chủ động kiến thiết các cơ chế, chính sách, pháp luật, khơi thông, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, bảo đảm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; vừa nhạy bén, quyết liệt chỉ đạo xử lý kịp thời, hiệu quả nhiều vấn đề phát sinh, vừa tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, căn cơ trong trung và dài hạn.

Chính phủ tập trung cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, phương thức làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giảm chi phí, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Chính phủ tích cực phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội và các cơ quan tư pháp nhằm phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất chung sức đồng lòng của cả hệ thống chính trị trong quản lý, điều hành phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Trong nhiệm kỳ qua, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là năm 2020, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự ủng hộ, giám sát của Quốc hội, sự đóng góp to lớn, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện với nhiều điểm mới vượt trội và dấu ấn nổi bật trong giai đoạn 2016 - 2021, tô đậm thêm thành quả 35 năm đổi mới của đất nước, được bạn bè quốc tế đánh giá cao, củng cố niềm tin vững chắc vào những giá trị truyền thống, bản lĩnh, khí phách, ý chí, tinh thần vượt khó, vươn lên của dân tộc ta; vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, tạo nguồn lực và động lực mới để tiếp tục đưa đất nước vững bước trên con đường phát triển nhanh và bền vững.

Năm 2018 và 2019, Chính phủ đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao; riêng năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, thiên tai, bão, lũ, Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương cả nước thực hiện nhiệm vụ với kết quả đạt và vượt 10/12 chỉ tiêu Quốc hội giao; thực hiện thành công “mục tiêu kép”, kiểm soát, ngăn chặn hiệu quả dịch COVID-19, tạo điều kiện cho phục hồi, phát triển kinh tế xã hội.

Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016 - 2019 đạt 6,8%, đưa Việt Nam vào nhóm 10 quốc gia tăng trưởng cao nhất thế giới; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,99%; năm 2020 kinh tế nước ta vẫn kiên cường duy trì tăng trưởng dương trong khi kinh tế thế giới suy thoái nghiêm trọng, đạt 2,91%, thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực và thế giới.

15 nhóm nhiệm vụ trong thời gian tới

Báo cáo của Chính phủ đề ra 15 nhóm nhiệm vụ trong thời gian tới. Trong đó, nhấn mạnh tiếp tục chủ động xây dựng chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 phù hợp với thực tế, có tính khả thi cao, với những nhiệm vụ, giải pháp toàn diện, có tính đột phá

để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2021 - 2025, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

Tập trung rà soát, khắc phục những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, hạ tầng; hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, minh bạch và ổn định gắn với nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự phát triển và vận hành của nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và hội nhập quốc tế; kiên định mục tiêu ưu tiên bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và tạo thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước cho phát triển kết cấu hạ tầng. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dựa trên thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với xã hội, phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển nền kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các-bon thấp....

Triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác tiếp công dân. Gắn kết chặt chẽ giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh, tạo môi trường hoà bình và ổn định cho phát triển đất nước.

Không ngừng đổi mới, linh hoạt, sáng tạo, sâu sát trong chỉ đạo, điều hành

Thẩm tra Báo cáo của Chính phủ tại phiên họp, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội Trần Thị Dung khẳng định Ủy ban Pháp luật tán thành với nhiều nội dung trong Báo cáo của Chính phủ và nhận thấy, trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, mặc dù tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, trong nước phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do thiên tai, dịch bệnh, thậm chí là những thách thức lớn chưa từng có, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã không ngừng đổi mới, linh hoạt, sáng tạo, sâu sát trong chỉ đạo, điều hành, cải cách mạnh mẽ và quyết liệt hành động theo phương châm Chính phủ kiến tạo, hành động; kết quả, đã thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại các nghị quyết của Đảng, của Quốc hội, đóng góp quan trọng vào những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước.

Báo cáo tổng kết đã được Chính phủ chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng với nhiều số liệu cụ thể, đánh giá cơ bản toàn diện, sâu sắc về các mặt công tác trong cả nhiệm kỳ, nêu bật những kết quả đã đạt được, chỉ ra những hạn chế, bất cập, nguyên nhân, đúc kết một số bài học kinh nghiệm và xác định phương hướng trong nhiệm kỳ tới. Bên cạnh đó, Ủy ban Pháp luật đề

ngộ Báo cáo cần đánh giá sâu sắc hơn về những tồn tại, hạn chế trong từng lĩnh vực; đồng thời, rà soát để tránh trùng lặp, một số nội dung cần thể hiện súc tích, khái quát hơn. Bổ sung đánh giá, rút kinh nghiệm, làm rõ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật, từ đó đề xuất giải pháp khắc phục phù hợp.

Đánh giá, làm rõ thêm về kết quả cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực; làm rõ nguyên nhân, giải pháp để bảo đảm yêu cầu, tiến độ trong việc xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và kết nối giữa các cơ sở dữ liệu này.

Ủy ban Pháp luật cũng đề nghị Chính phủ làm rõ thêm bài học kinh nghiệm về tổ chức thi hành pháp luật, nhất là vai trò của công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực thi pháp luật gắn với nâng cao vai trò và trách nhiệm của cá nhân, tập thể, từng cấp, từng cơ quan, người đứng đầu, việc thiết lập và thực thi kỷ luật, kỷ cương trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NGÀNH HẢI QUAN: ĐÃ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TOÀN DIỆN

Trong những năm qua, ngành Hải quan đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin một cách toàn diện trong các mặt công tác nghiệp vụ hải quan.

Xây dựng đầy đủ hành lang pháp lý

Theo Tổng cục Hải quan, trong giai đoạn 2016 - 2020, để đáp ứng yêu cầu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về hải quan, xây dựng chính phủ điện tử, bảo đảm an toàn thông tin, Tổng cục Hải quan đã tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch để làm cơ sở cho việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, chính phủ điện tử và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan cũng đã chủ động nghiên cứu và ban hành các văn bản nội bộ về quy chế, quy trình nhằm hoàn thiện việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin ngành Hải quan, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp,...

Giai đoạn 2016 - 2020, với vai trò là cơ quan thường trực của Ủy ban Chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại, Tổng cục Hải quan đã tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng yêu cầu triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại

Ngoài các quy định trong Luật Hải quan, trong thời gian vừa qua, các văn bản pháp lý khác quy định trực tiếp phục vụ triển khai cơ quan Hải quan điện tử nói riêng và xây dựng Chính phủ điện tử nói chung cũng như ứng dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần

thứ 4 đã được ban hành, tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc xây dựng cơ quan hải quan điện tử tại Việt Nam.

Để đảm bảo tổ chức triển khai các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử, giai đoạn 2016 - 2020, Tổng cục Hải quan đã tổ chức xây dựng và ban hành đầy đủ, đồng bộ các kế hoạch, chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử và ứng dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Giai đoạn 2016 - 2020 cũng đánh dấu sự phát triển và hoàn thiện về chất trong công tác xây dựng quy trình, quy chế quản lý, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Theo đó, Tổng cục Hải quan đã ban hành nhiều quy trình, quy chế quản lý, vận hành, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin một cách khoa học, chuyên nghiệp.

Phủ sóng công nghệ thông tin trên nhiều mặt công tác

Tổng cục Hải quan đánh giá, giai đoạn 2016 - 2020, Tổng cục Hải quan bám sát và tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Kế hoạch 5 năm về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 của Bộ Tài chính và của Tổng cục Hải quan.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và Bộ Tài chính về ứng dụng công nghệ thông tin, trong thời gian vừa qua, Tổng cục Hải quan đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan. Đến nay, nhiều mục tiêu của Kế hoạch 5 năm về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 đã được hoàn thành như: xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; xây dựng các hệ thống ứng dụng; khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin; đảm bảo hạ tầng; an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin.

Trong đó, một số kết quả đã vượt so với mục tiêu đề ra như: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 163/193 đạt 84,5% (trong khi đó mục tiêu đề ra tại Kế hoạch đặt ra là dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 30%).

Trong thời gian qua, Tổng cục Hải quan đã phát triển, quản lý và vận hành nhiều hệ thống thông tin lớn, cốt lõi trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan và một số các hệ thống phục vụ công tác nội ngành. Các hệ thống thông tin này đã góp phần quan trọng trong nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý nhà nước về Hải quan.

Có thể kể đến như: Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS; Hệ thống thông quan điện tử V5 (TQĐT-V5); Hệ thống quản lý rủi ro; Hệ thống quản lý hải quan tự động (VASSCM); Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu danh mục, biểu thuế và phân loại, mức thuế (MHS); Hệ thống kế toán thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Cổng thanh toán điện tử hải quan; Hệ thống kiểm tra sau thông quan (STQ01); ...

Trong giai đoạn 5 năm trở lại đây, trước yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin của Chính phủ, việc ứng dụng công nghệ thông tin của Tổng cục Hải quan đã có bước tiến lớn.

Những kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian vừa qua là động lực để xây dựng Hải quan Việt Nam hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu cải cách hiện đại hóa hải quan và tạo thuận lợi thương mại, hướng tới xây dựng chính phủ điện tử.

Đến nay, Tổng cục Hải quan đã xây dựng được một Hệ thống công nghệ thông tin lớn hoạt động ổn định, thống suốt, bao phủ và hỗ trợ hầu hết các lĩnh vực trọng yếu về quản lý hải quan như: thực hiện thủ tục hải quan, nộp thuế, quản lý hàng hóa tại cảng biển, quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông quan, xử lý vi phạm, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, quản lý nội ngành.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

BỘ TÀI CHÍNH: ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI HẠN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ ĐẾN HẾT NĂM 2030

Đây là đề xuất của Bộ Tài chính tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2019/TT-BTC hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

Theo đó, dự thảo sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 31/2019/TT-BTC hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế như sau:

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2019, áp dụng từ năm ngân sách 2019 cho đến khi các chế độ chính sách tinh giản biên chế quy định tại các Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ hết thời hạn thực hiện”.

Hiện nay, theo quy định hiện hành tại Thông tư 31/2019/TT-BTC thì: “Thông tư này có hiệu lực thi hành từ 25/7/2019 đến hết ngày 31/12/2021 và áp dụng từ năm ngân sách 2019.”

Bộ Tài chính cho biết, ngày 10/12/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định số 143/2020/NĐ-CP).

Đối với nội dung sửa đổi về đối tượng tinh giản biên chế, điều chỉnh độ tuổi đối với các đối tượng tinh giản biên chế tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ có liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1, Điều 3, Điều 4 Thông tư số 31/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế chỉ quy định theo hướng dẫn chiếu quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Đồng thời, Khoản 3, Điều 6 Thông tư số 31/2019/TT-BTC đã quy định: “Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế”.

Do vậy, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2019/TT-BTC theo quy trình rút gọn, trong đó chỉ sửa đổi Khoản 1 Điều 6 về thời hạn thực hiện chính sách tinh giản biên chế đến hết ngày 31/12/2030 cho phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP; không sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại Thông tư số 31/2019/TT-BTC.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: ĐẠT MỤC TIÊU TRONG TOP 5 VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chương trình Chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đang được Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hà Nội xây dựng, TP. Hà Nội phấn đấu thuộc nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số, công nghệ thông tin vào năm 2025.

Dự thảo Chương trình Chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt mục tiêu, đến năm 2030, thành phố Hà Nội phát triển mạnh mẽ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền thành phố, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

TP. Hà Nội hướng đến mục tiêu phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, có sức cạnh tranh cao trong nước, khu vực ASEAN và quốc tế. Đến năm 2030, TP. Hà Nội trở thành thành phố “Xanh - Thông minh - Hiện đại” với chuyển đổi số là nền tảng phát triển, đổi mới sáng tạo.

Chương trình Chuyển đổi số thành phố Hà Nội nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có năng lực đi ra toàn cầu. Với các mục tiêu cụ thể, đến năm 2025, Hà Nội thuộc nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số, về công nghệ thông tin, chỉ số cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, an toàn, an ninh mạng. Hà Nội đứng trong nhóm dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo.

Về phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, TP. Hà Nội phấn đấu 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4, có thể thực hiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. 90% hồ sơ công việc tại cấp thành phố, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ và thành phố. 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm.

50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của thành phố. Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, nhà nước, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của thành phố. Cơ bản

hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử của thành phố trước năm 2025, hướng tới hình thành chính quyền số thành phố Hà Nội;

Về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, TP. Hà Nội phấn đấu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30%. Tốc độ tăng năng suất lao động từ 7% - 7,5%. Hoàn thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của thành phố.

Về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, phấn đấu hạ tầng băng thông rộng phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã, phường, thị trấn. Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; mọi người dân được truy cập Internet băng rộng với chi phí thấp.

Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%. Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hà Nội dự tính đến năm 2030, TP. Hà Nội thuộc nhóm 3 địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số, về công nghệ thông tin, về chỉ số cạnh tranh, về đổi mới sáng tạo, về an toàn, an ninh mạng.

Để thực hiện các mục tiêu trên, thành phố sẽ triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó tập trung vào 3 trụ cột chính gồm: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Với các giải pháp cụ thể liên quan đến: chuyển đổi nhận thức; kiến tạo thể chế; phát triển hạ tầng và nền tảng số; thông tin và dữ liệu số; hoạt động chuyển đổi số; an toàn, an ninh mạng; đào tạo và phát triển nhân lực.

Nguồn: tienphong.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM VIỆC THÁO GỖ KHÓ KHĂN CỦA DOANH NGHIỆP

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo các quận, huyện, TP. Thủ Đức khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 tại đơn vị, nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, các ngành, địa phương trong việc tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp.

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh yêu cầu các sở, ban ngành, quận, huyện và TP. Thủ Đức cần nâng cao trách nhiệm trong việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Theo đó, thực hiện chủ đề năm 2021 “Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư”, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có văn bản yêu cầu các sở, ban, ngành, quận, huyện, TP. Thủ Đức khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 tại đơn vị, nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, các ngành, địa phương trong việc tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp.

Có biện pháp chỉ đạo và kiểm tra nhằm thúc đẩy tiến độ hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 của đơn vị và các nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã giao. Triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, đề

ra các giải pháp với mục tiêu nâng cao chất lượng và tỷ lệ giải quyết hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; qua dịch vụ bưu chính công ích theo chỉ tiêu mà kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021 của thành phố đã đề ra.

Mặt khác, triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Chương trình chuyển đổi số của thành phố, đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trong giai đoạn 2 của Đề án xây dựng TP. Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh.

Bên cạnh đó, xây dựng kế hoạch cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhất là các tiêu chí còn hạn chế như chi phí gia nhập thị trường, tính năng động của chính quyền, khả năng tiếp cận đất đai, hiệu quả thực thi của các thiết chế pháp lý... phấn đấu đạt kết quả tốt nhất trong xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021.

Tổ chức đối thoại giữa chính quyền các cấp với tổ chức, doanh nghiệp theo lĩnh vực chuyên ngành định kỳ hàng quý để kịp thời lắng nghe, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, đồng thời phát triển hoạt động của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành kế hoạch thực hiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư của TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2025. Cùng với đó, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, các quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đề xuất Trung ương về cơ chế đặc thù cho xây dựng chính quyền đô thị và TP. Thủ Đức.

Đồng thời, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức, các quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, chủ động tham mưu các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu có thời hạn đối với quy trình thủ tục hành chính, xử lý hồ sơ; xác định rõ tổ chức, cá nhân thực hiện chức trách trong giải quyết hồ sơ; có sự tham gia, đóng góp ý kiến của tổ chức, doanh nghiệp; có sự giám sát của Hội Đồng Nhân Dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; có chế tài xử lý vi phạm và khen thưởng.

Nguồn: doanhnghepv.vn

THANH HÓA: THỊ XÃ BỈM SƠN CẢI THIẾN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH

Với mục tiêu huy động 30.000 tỷ đồng cho đầu tư phát triển, đưa thêm 550 doanh nghiệp vào môi trường kinh doanh trong nhiệm kỳ 2021 - 2025, thị xã Bỉm Sơn đang nỗ lực thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút các nguồn lực tham gia phát triển kinh tế trên địa bàn.

Theo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, trong lĩnh vực công nghiệp, thị xã sẽ đẩy mạnh phát triển theo hướng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng

hiệu quả tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường sinh thái. Bên cạnh đó, tập trung đầu tư phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, từng bước hình thành và phát triển các ngành công nghiệp chủ lực; đồng thời, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh. Trong lĩnh vực thương mại, sẽ tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư mở rộng mạng lưới các trung tâm thương mại, siêu thị, nhà hàng, khách sạn, các chợ, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế, đời sống của Nhân dân trên địa bàn. Địa phương cũng đang lập quy hoạch chi tiết vùng sản xuất nông nghiệp tập trung để đầu tư nâng cấp hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tạo thuận lợi cho phát triển nông - lâm - thủy sản quy mô lớn, công nghệ cao.

Hướng đến các mục tiêu phát triển này, thị xã sẽ thực hiện công bố công khai các quy hoạch, kế hoạch phát triển, như: Quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch đấu thầu, đấu giá các dự án có sử dụng đất. Tập trung giải quyết tốt công tác giải phóng mặt bằng, bảo đảm tốt các vấn đề về an ninh trật tự, tạo niềm tin cho nhà đầu tư về môi trường đầu tư kinh doanh. Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn để thu hút đầu tư kinh doanh. Trong đó, địa phương sẽ tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp, dự án đầu tư nhằm sớm đưa vào hoạt động, khai thác tạo năng lực sản xuất tăng thêm cho nền kinh tế. Tiếp tục rà soát, niêm yết, công khai, minh bạch thủ tục hành chính. Đơn giản hóa và cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. Tập trung chỉ đạo tuyên truyền, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 gắn với tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính. Nghiêm túc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, thị xã sẽ phối hợp với các sở, ngành có liên quan của tỉnh; Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh tập trung đầu tư phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, từng bước hình thành và phát triển các ngành công nghiệp chủ lực. Đồng thời, xây dựng chương trình, chủ động triển khai hoạt động xúc tiến kêu gọi đầu tư vào thị xã. Trong đó, ưu tiên thu hút các dự án chế tạo, lắp ráp, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, ô tô, máy nông nghiệp, điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng, phân bón, hóa chất... Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, như đường giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải khu công nghiệp, đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư thực hiện dự án. Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn lực đất đai, tạo môi trường thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai dự án, phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Nguồn: baothanhhoa.vn

QUẢNG NAM: TỪ THÁNG 4/2021, SẼ THÍ ĐIỂM XÃ THÔNG MINH

Nội dung trên vừa được Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam Hồ Quang Bửu đưa ra tại Hội nghị trực tuyến với các sở, ngành, địa phương về hướng dẫn triển khai chuyển đổi số trên địa bàn.

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, tính đến nay, việc chuyển đổi số tại địa phương đã đạt được những kết quả tích cực. Hầu hết các cơ quan nhà nước đảm bảo hệ thống mạng, thiết bị tin học phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin (vẫn còn một số xã miền núi chưa có cáp quang). Tính đến tháng 3/2021, 100% Sở, ngành, huyện đã kết nối hệ thống mạng diện rộng (WAN). Hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đạt 134 VPS/7 Server vật lý, hoạt động 50%-60% năng lực RAM, CPU, 80% dung lượng lưu trữ.

Bên cạnh đó, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đã kết nối đến 18/18 Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và 18/18 Huyện, Thị, Thành ủy; 10/18 huyện triển khai hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã...

Tính đến nay, tỉnh Quảng Nam đã triển khai phần mềm quản lý văn bản đến 100% các sở, ngành, huyện thị xã, thành phố và cấp xã trên địa bàn tỉnh; kết nối liên thông gửi nhận văn bản điện tử thông suốt 4 cấp từ Chính phủ - tỉnh - huyện - xã và áp dụng chữ ký số trên văn bản điện tử với hơn 90% văn bản giữa các cơ quan cấp tỉnh, huyện được gửi nhận điện tử.

Đối với công tác cải cách hành chính, tỉnh Quảng Nam đã cung cấp 792 dịch vụ công ở mức độ 3, 4 (tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 3 đạt 30%, mức 4 đạt 14%), triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước: đến nay, đã cấp hơn 2.000 chứng thư số cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn tỉnh...

Đặc biệt, trong thời gian qua, tỉnh Quảng Nam đã triển khai thử nghiệm Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh với 11 phân hệ tích hợp, gồm: giám sát, điều hành kinh tế - xã hội; giám sát hiệu quả hoạt động của chính quyền; giám sát, điều hành lĩnh vực giáo dục; y tế; dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; dịch vụ phản ánh hiện trường, phản ánh kiến nghị người dân; giám sát giao thông và an ninh trật tự của đô thị; giám sát tàu thuyền, phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên các lĩnh vực: y tế, giáo dục...

Ngoài ra, tỉnh Quảng Nam cũng đã triển khai ứng dụng Phản ánh hiện trường, Smart Quảng Nam; Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) đối với hệ thống Trung tâm dữ liệu của tỉnh...

Với những nỗ lực của địa phương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam Hồ Quang Bửu mong muốn Cục Tin học hóa tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ tỉnh Quảng Nam trong chuyển đổi số. Ông Bửu cũng đề nghị các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh cần tạo điều kiện hỗ trợ giá lắp đặt, kết nối đường truyền internet đến các xã, thôn khó khăn.

Riêng đối với chủ trương xây dựng xã thông minh, ông Bửu yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh tổ chức cho cơ sở đăng ký đến hạn chót 31/3, sau đó lựa chọn địa phương triển khai thí điểm từ đầu tháng 4/2021 để đánh giá kết quả và tiến hành nhân rộng ra toàn tỉnh.

Nguồn: viettimes.vn

KHÁNH HÒA: TÍCH CỰC TUYÊN TRUYỀN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa vừa ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh năm 2021.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu, định kỳ hàng tháng, các sở, ngành, địa phương gửi kết quả, hoạt động, việc thực hiện cải cách hành chính thông qua Sở Nội vụ hoặc Cổng thông tin điện tử tỉnh. 100% cơ quan, đơn vị có mô hình, sáng kiến, giải pháp tham gia cuộc thi Mô hình, sáng kiến cải cách hành chính của công chức, viên chức trẻ năm 2021. Sở Nội vụ chủ trì tham mưu về việc tuyên truyền Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước và của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030; về tổ chức cuộc thi Mô hình, sáng kiến cải cách hành chính của công chức, viên chức trẻ năm 2021; tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ cải cách hành chính; chủ trì điều tra xã hội học để đo lường tác động, hiệu quả của cải cách hành chính. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu truyền thông về Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, xây dựng chính quyền điện tử, Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh; phối hợp truyền thông về thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Sở Tư pháp tuyên truyền về cải cách thể chế trên địa bàn. Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa tiếp tục nâng cao hiệu quả tuyên truyền cải cách hành chính, chú trọng phản ánh các mô hình, cách làm hay trong công tác cải cách hành chính...

Các cơ quan, đơn vị gửi kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021 về Sở Nội vụ để tổng hợp trước ngày 31/3.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ĐỒNG NAI: TẠO ĐỘT PHÁ TRONG LỘ TRÌNH HIỆN ĐẠI HÓA HẢI QUAN

Mục tiêu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan, tăng cường hỗ trợ người khai hải quan, người nộp thuế... đang được Hải quan tỉnh Đồng Nai thực hiện quyết liệt, đồng bộ trong năm 2021.

Điện tử hóa thủ tục hành chính về hải quan

Ông Ngô Minh Hải, Phó Trưởng phòng Phòng Giám sát quản lý hải quan, Cục Hải quan Đồng Nai cho biết, năm 2020, thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giám sát hải quan đã đảm bảo thông suốt 105 thủ tục hành chính phát sinh tại đơn vị với 102 thủ tục hành chính cấp độ 4.

Các thủ tục hành chính cốt lõi như thông quan hàng hóa, thu thuế xuất nhập khẩu đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, mức độ cao nhất, cho phép tiếp nhận, xử lý hồ sơ, thanh toán thuế, phí, lệ phí và trả kết quả hoàn toàn thông qua mạng internet.

Cũng theo đánh giá của lãnh đạo Cục Hải quan Đồng Nai, một trong những kết quả nổi trội đáng ghi nhận là việc tiếp nhận và xử lý trên 1,2 triệu tờ khai đã có 100% tờ khai hải quan điện tử (trên 38,3 tỷ USD). Cùng với đó, số tiền thuế bằng phương thức điện tử chiếm trên 98% số thu của toàn đơn vị.

Cũng trong năm 2020, đơn vị thực hiện xử lý 9.359 bộ hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nâng tổng lũy kế lên 34.183 bộ hồ sơ được tiếp nhận, xử lý qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hệ thống một cửa quốc gia, hệ thống một cửa Asean; máy soi chiếu hàng hóa; thông quan tự động cũng được triển khai đồng bộ, hiệu quả... rút ngắn thời gian thông quan, giải phóng hàng hóa rất nhiều so với trước đây.

Hai tháng đầu năm 2021, bên cạnh việc tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch hành động các công tác trọng tâm, Cục Hải quan Đồng Nai tiếp tục triển khai tăng cường các hoạt động cải cách hành chính, giải quyết nhanh chóng, kịp thời thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong giai đoạn trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2021 đảm bảo không để ảnh hưởng đến thời gian thông quan, giải phóng hàng hóa của doanh nghiệp ngay cả trong thời gian nghỉ Tết Nguyên đán.

Cục Hải quan Đồng Nai cũng thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật hải quan, giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp, duy trì đường dây nóng, niêm yết công khai các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp; tăng cường đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Trong 2 tháng đầu năm 2021, Hải quan tỉnh Đồng Nai đã giải quyết nhanh, gọn 35.054 hồ sơ, cập nhật xử lý 64.259 văn bản qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Hiện đại hóa trên tất cả các lĩnh vực

Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai Nguyễn Phúc Thọ cho biết, năm 2021, toàn ngành tiếp tục tăng cường đẩy mạnh các giải pháp cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch. Giải quyết kịp thời vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền liên quan đến thủ tục hải quan, chính sách thuế, công tác quản lý thuế, chế độ kế toán, chế độ hoàn thuế, miễn thuế, tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

Theo ông Ngô Minh Hải, kế hoạch cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai trong năm 2021 và lộ trình đến năm 2030 được xây dựng theo các mục tiêu và yêu cầu cụ thể.

“Đơn vị sẽ tập trung đẩy mạnh, triển khai đồng bộ và toàn diện từ công tác thể chế, cải cách thủ tục hành chính đến hiện đại hóa hành chính trên tất cả các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển và đáp ứng tốt nhất các yêu cầu thuộc phạm vi quản lý”, ông Hải cho biết thêm.

Đại diện ban lãnh đạo Cục hải quan tỉnh Đồng Nai cho biết, để thực hiện tốt lộ trình đặt ra là phải tăng cường hơn nữa trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện cải cách hành chính. Quyết liệt thực hiện đồng bộ, thống nhất các giải pháp tạo thuận lợi thương mại, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chống thất thu trong triển khai nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2021...

Cùng với đó, nhiệm vụ trọng tâm được đơn vị xác định và thực hiện có hiệu quả ngay trong chặng đầu của lộ trình là vận hành hệ thống giám sát hải quan tự động VASSCM tại một số kho ngoại quan mới được thành lập đi đôi với việc thực hiện hệ thống một cửa quốc gia theo mô hình hải quan thông minh. Tiếp tục vận hành có hiệu quả các phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý nghiệp vụ, hệ thống giám sát hải quan tự động, hệ thống giám sát trực tuyến camera, thu thuế điện tử, thông quan 24/7, hệ thống một cửa quốc gia, hệ thống một cửa ASEAN, máy soi chiếu hàng hóa; thông quan tự động... nhằm rút ngắn thời gian thông quan để giải phóng hàng hóa.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

AN GIANG: NGÀNH THUẾ VỚI NHIỀU GIẢI PHÁP CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Những năm qua, ngành Thuế tỉnh An Giang luôn chú trọng thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Qua đó, góp phần tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, giúp doanh nghiệp và người nộp thuế hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Bám sát tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, của Tổng cục Thuế về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, năm qua, Cục Thuế tỉnh An Giang đã cụ thể hóa thành 16 đầu mối công việc nhằm tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh; cải cách thể chế chính sách thuế và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thuế, nhằm tích cực phấn đấu nâng cao chỉ số nộp thuế, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh khu vực cấp tỉnh.

Cục Thuế tỉnh tăng cường thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là đẩy nhanh tiến độ triển khai và mở rộng thực hiện khai thuế qua mạng và nộp thuế điện tử; hóa đơn điện tử; hoàn thuế điện tử... giúp người nộp thuế tiết kiệm được thời gian, chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính, an tâm đầu tư, sản xuất - kinh doanh. Hệ thống dịch vụ

thuế điện tử (eTax) đi vào hoạt động tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong thực hiện các thủ tục hành chính thuế và chính sách pháp luật thuế.

Đẩy mạnh việc sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP; duy trì ít nhất đạt từ 95% doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế điện tử đạt cấp độ 4; triển khai nhận hồ sơ và trả kết quả hoàn thuế theo phương thức điện tử. Đồng thời, giám sát việc thực thi quy định đối với thủ tục đặt in, tự in hóa đơn và thông báo phát hành đảm bảo đúng thời hạn 4 ngày theo quy định (trong đó thủ tục đặt in, tự in hóa đơn là 2 ngày; thông báo phát hành là 2 ngày); đối với thủ tục mua hóa đơn đảm bảo giải quyết ngay trong ngày. Trang thông tin điện tử của Cục Thuế tỉnh An Giang luôn được cập nhật thông tin thường xuyên nhằm hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp nắm bắt các thông tin hoạt động của ngành thuế, hỗ trợ trong chính sách thuế, kê khai thuế, tải các phần mềm ứng dụng.

Ngành Thuế tiếp tục đẩy mạnh việc áp dụng phương thức báo cáo điện tử đối với danh mục chế độ báo cáo đã được phê duyệt tại Quyết định số 171/QĐ-BTC ngày 06/02/2018 của Bộ Tài chính, nghiên cứu sử dụng chữ ký số, hạn chế báo cáo giấy, giảm gánh nặng hành chính và tiết kiệm chi phí trong thực hiện chế độ báo cáo; nghiêm túc thực hiện ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ngành tài chính. Bên cạnh đó, tăng cường kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính và công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan thuế các cấp trong việc giải quyết thủ tục hành chính; phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức và người đứng đầu cơ quan thuế để xảy ra hành vi nhũng nhiễu, gây cản trở cho người nộp thuế.

Năm 2021, ngành Thuế tỉnh An Giang tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính thuế theo yêu cầu nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế trong kê khai và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Đồng thời, theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, tình hình “sức khỏe” doanh nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn để kịp thời tham mưu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người nộp thuế, hỗ trợ, tạo điều kiện để người nộp thuế khôi phục các hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình mới, nhằm thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách nhà nước.

Qua đó, có cơ sở đánh giá đúng khả năng phát sinh nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành thu ngân sách nhà nước các cấp. Ngoài ra, tăng cường kỷ luật, kỷ cương nội ngành, chấn chỉnh, nâng cao tinh thần trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí...

Nguồn: baoangiang.com.vn

KINH NGHIỆM LỰA CHỌN LÃNH ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Việc lựa chọn các lãnh đạo chiến lược ở bất kỳ thời đại nào, không gian địa lý hay văn hoá nào đều có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự thịnh suy của một tổ chức; hoặc rộng hơn là với một quốc gia. Tuy nhiên, không có lý thuyết chung nào cho vấn đề này, bởi các hệ thống chính trị khác nhau có các niềm tin và từ đó các lý lẽ, cách thức khác nhau để giải quyết vấn đề. Do đó, cần xem xét vấn đề này trong các hệ thống chính trị với hệ tư tưởng và truyền thống văn hoá khác nhau.

1. Kinh nghiệm lựa chọn lãnh đạo chiến lược của một số quốc gia trên thế giới

1.1. Kinh nghiệm của Liên Xô trước đây

Cách thức lựa chọn lãnh đạo chiến lược chắc chắn đã có những khiếm khuyết nghiêm trọng, là một trong những nhân tố quan trọng dẫn đến sự bất ổn và cuối cùng là sự sụp đổ của chính thể Liên Xô. Các khiếm khuyết này có thể đúc kết lại như sau:

Quá trình lựa chọn mang tính nội bộ, cá nhân: Bản thân sự lựa chọn nội bộ có ưu điểm là có thể chọn đúng hơn được các người giỏi, ưu tú, tránh được tính chất mù dân của các cuộc bỏ phiếu rộng rãi khiến các nhân vật dân túy nổi lên. Tuy nhiên, tính ưu tú của quá trình lựa chọn đó rõ ràng cần có sự kiểm nghiệm của người dân và các tổ chức xã hội rộng rãi hơn. Sự thiếu kiểm nghiệm xã hội mới chính là tử huyệt của quá trình lựa chọn cán bộ chứ không phải tính nội bộ hay tính cá nhân trong lựa chọn cán bộ chiến lược. Việc chuyển ngay và quá nhanh sang bầu cử cạnh tranh, trong khi thiếu sự chuẩn bị cả về thông tin, thủ tục loại bỏ các ứng viên.v.v. đương nhiên sẽ đưa đến các kết quả tiêu cực hơn là các kết quả tích cực.

Thiếu cơ chế quy trách nhiệm: Khi đã lựa chọn đúng thì cơ chế quy trách nhiệm như một yếu tố không thể thiếu trong việc kiểm nghiệm cũng như trong việc kiểm chế sự tha hóa cũng như các sai lầm của bản thân người lãnh đạo suốt quá trình nắm giữ quyền lực. Việc thiếu cơ chế quy trách nhiệm có một hệ quả lớn là ngay cả khi có cơ chế bãi miễn chức vụ, một tổ chức cũng rất khó thực hiện vì không thể quy được trách nhiệm đối với người lãnh đạo. Các quyết định lớn của lãnh đạo chiến lược, thường mang tính tổng thể, đường lối, nhưng nếu thiếu cơ chế này thì rất khó quy được trách nhiệm cho người lãnh đạo.

Quá nhấn mạnh sự tập trung và ổn định, mà không nhấn mạnh khả năng ứng biến và thay đổi: Điều này thể hiện quan trọng trong việc suốt thời gian dài, lãnh đạo không bị ràng buộc về nhiệm kỳ. Sự thể chế hóa ràng buộc bằng nhiệm kỳ, ngoài vai trò kiểm soát quyền lực, còn có tác động quan trọng là đảm bảo sự ổn định động, sự cân bằng qua các thế hệ và từ đó, khả năng ứng biến, thích nghi của lãnh đạo chiến lược trở thành một yếu tố quan trọng, được đánh giá cao hơn là khả năng nắm giữ quyền lực và một trật tự cứng nhắc.

Phương thức lựa chọn lãnh đạo chưa được thể chế hóa trên nền tảng khoa học, hợp lý, khách quan và có tính dài hạn: Các vấn đề chính trị luôn thuộc lĩnh vực khoa học mềm, tức là luôn có yếu tố nhận thức chủ quan và do vậy, bản thân sự hợp lý khách quan cũng dễ dàng bị

thao túng. Nói cách khác, đặc điểm này về hình thức là nguyên nhân của những khiếm khuyết nêu trên, nhưng có thể chính là hệ quả của các khiếm khuyết đó vì bản thân quá trình thể chế hóa sẽ bắt buộc phải dựa trên sự hợp lý. Chính sự hợp lý hóa luôn là khởi nguồn của sự thay đổi, tức là sự bất ổn từ quan điểm của những người đang hưởng lợi từ trật tự hiện hành. Cùng với tính cá nhân và khả năng quy trách nhiệm thấp, sự thay đổi phương thức lựa chọn lãnh đạo có thể không theo hướng khoa học và dài hạn, mà dễ ngã theo hướng giải quyết tình thế, bị chi phối bởi các tính toán ngắn hạn, lợi ích cục bộ cá nhân mà rất khó bị phản bác, cả về mặt khoa học khách quan cũng như về mặt ý kiến chủ quan.

1.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Khuynh hướng chuyển từ quyền lực cá nhân sang quyền lực thể chế: Quá trình lựa chọn lãnh đạo chiến lược của Trung Quốc từ sau thời kỳ Mao Trạch Đông ngày càng được thể chế hóa mạnh mẽ. Cùng với đó, do việc chuyển từ thời kỳ lập quốc sang kiến quốc, sự cạnh tranh cho các vị trí lãnh đạo rõ ràng không thể dựa vào các tiêu chí của thời kỳ khai quốc, gắn liền với từng cá nhân và vai trò được thừa nhận trong thực tế. Các lãnh đạo sau thế hệ thứ nhất rõ ràng sẽ phải dựa trước hết vào quyền lực của thể chế, tức vào các quy định pháp lý của vị trí nắm giữ. Do đó, quyền lực phi thể chế, bao gồm cả ảnh hưởng có tính cá nhân, vẫn luôn là khía cạnh cạnh tranh trọng, tuy nhiên không tới mức thay đổi hay vượt được các quy định, thể chế đã có.

Khuynh hướng kỹ trị tinh hoa: Trong hai định hướng cơ bản ở Trung Quốc là tri thức hóa và chuyên môn hóa có thể thấy các tiêu chuẩn có tính kỹ trị chuyên môn ngày càng có vai trò quan trọng trong quá trình lựa chọn cán bộ. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra sự gia tăng của trình độ học vấn, trình độ chuyên môn của các thế hệ lãnh đạo sau này. Tuy nhiên, các đòi hỏi ngày càng cao về học vấn, trình độ chuyên môn có thể dẫn đến các mặt trái là tính hình thức của các tiêu chuẩn, vì chúng mâu thuẫn với các đòi hỏi về kinh nghiệm công tác ở các cấp; về độ tuổi (trẻ hóa) vì cán bộ trẻ chưa được trải nghiệm qua các vị trí công tác khác nhau.

Khuynh hướng giải phe phái: Ở Trung Quốc, ảnh hưởng của phe phái mang tính tiêu cực nhiều hơn và có thể gây mất ổn định nội bộ và các trì hoãn đổi mới. Các động thái gần đây cho thấy Chủ tịch Tập Cận Bình dường như chú trọng vào các nhân vật không có gắn bó phe phái nào rõ ràng. Cùng với quá trình thể chế hóa và các sự kiện gần đây đã đưa ra một số gợi ý rằng Trung Quốc đang có các cố gắng nuôi dưỡng khuynh hướng giải phe phái trong lựa chọn các lãnh đạo chiến lược.

1.3. Kinh nghiệm của Singapore

Hệ thống chính trị Singapore có đặc điểm là chỉ có một đảng liên tục (Đảng PAP - Đảng hành động nhân dân) cầm quyền, dù có bầu cử cạnh tranh, tức là hệ thống một đảng nổi trội, với nhiều đảng nhỏ cạnh tranh. Dấu ấn của thời kỳ Thủ tướng Lý Quang Diệu trong sự phát triển thần kỳ của Singapore, trong đó có cả việc lựa chọn các lãnh đạo chiến lược, là không thể phủ nhận. Những điểm nổi bật trong lựa chọn lãnh đạo chiến lược ở Singapore là:

Thứ nhất, chế độ nhân tài là nguyên tắc trung tâm trong quy trình lựa chọn lãnh đạo.

Trong lựa chọn lãnh đạo, bản thân Thủ tướng Lý Quang Diệu cũng là người có niềm tin sắt đá vào tài năng, thúc đẩy và tạo dựng nên thể chế lựa chọn dựa trên tài năng, tức

meritocracy - chế độ nhân tài, ở đó sự lãnh đạo dựa trên tài năng và hiệu quả công tác(1). Ý tưởng căn bản là có thể xác định một cách khách quan khoa học các yêu cầu về năng lực và hiệu quả đối với từng vị trí công việc. Do đó, các yếu tố chính trị, chủng tộc, dòng họ hay giai cấp xã hội không thể trở thành yếu tố chủ đạo trong lựa chọn cán bộ.

Hai đặc điểm nổi bật của Singapore(2) trong lĩnh vực này là: (1) Quá trình phân loại đã bắt đầu từ rất sớm thông qua hệ thống giáo dục. Sự phân loại lúc này dựa trên thành tích học tập ngay từ cấp tiểu học. Những học sinh có thành tích học tập tốt sẽ được vào học các trường, lớp tốt nhất (các trường chuyên, lớp chọn), là các trường có đội ngũ giáo viên và điều kiện cơ sở vật chất tốt nhất. Bên cạnh đó, hệ thống cấp học bổng đại học và sau đại học cũng là công cụ để xác định và phân loại tài năng tương tự. (2) Chế độ nhân tài khi được áp dụng cho tuyển lựa, đề bạt và trả lương các công chức nhà nước có điểm đặc biệt là sự kết nối và đảm bảo tương quan với khu vực doanh nghiệp. Nhà nước cần các tài năng như các doanh nghiệp, cho nên phải cạnh tranh mạnh mẽ với các doanh nghiệp trong việc thu hút nhân tài. Do vậy, lương thủ tướng cũng như các công chức cấp cao của Singapore luôn thuộc hạng cao nhất trên thế giới. Tất nhiên, cùng với đó là quá trình lựa chọn cũng hết sức khắt khe và dựa trên các bằng cấp, chứng chỉ rõ ràng.

Đương nhiên, hệ thống lựa chọn dựa trên tài năng như vậy có những vấn đề lớn, tương tự như chủ thuyết tinh hoa (elitism) và do vậy ít được các quốc gia khác áp dụng. Trong đó nổi lên 3 vấn đề nền tảng:

Một là, việc xác định tài năng một cách khách quan, qua các kết quả thi hay học tập, là rất khó, dễ bị các yếu tố thiên vị, chủ quan làm cho lệch lạc. Cuối cùng mà nói thì đó vẫn chỉ là hệ thống các chỉ số (đặc biệt là bằng cấp) mà chưa phải là tài năng thực. Ngay cả khi đưa thêm các hình thức như phỏng vấn trực tiếp tại chỗ, điều đó cũng mới chỉ khắc phục được phần nào.

Hai là, có nhiều loại tài năng khác mà hệ thống này sẽ bỏ qua. Đặc biệt là các tài năng liên quan đến lĩnh vực sáng tạo như văn hóa, nghệ thuật. Đây là các tài năng mà thành tích học tập trong các hệ thống giáo dục chính thức hiện tại không phản ánh.

Ba là, sự chênh lệch thu nhập giữa các nhóm có tài và không có tài trong xã hội có thể sẽ dẫn đến các hệ quả xã hội tiêu cực khác.

Thứ hai, lựa chọn tinh hoa đi kèm kiểm nghiệm đại chúng, Ban Chấp hành Trung ương PAP bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo(3) cấp dưới và cán bộ cấp dưới bầu chọn Ban Chấp hành Trung ương.

Để được đề bạt thành lãnh đạo, một đảng viên phải được một Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương(thường cũng là nghị sĩ) giới thiệu. Sau đó người này phải trải qua quá trình xem xét lý lịch và phỏng vấn bởi một hội đồng, thường gồm 4 - 5 Bộ trưởng hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Hàng năm có khoảng 100 người được đề nghị xem xét như vậy. Điểm khác biệt duy nhất giữa cán bộ lãnh đạo và các đảng viên thường của PAP là quyền được bỏ phiếu bầu chọn Ban Chấp hành Trung ương. Các cán bộ cấp cao của PAP đều phải thắng cử để trở thành nghị sĩ. Các bộ trưởng là lãnh đạo chiến lược cấp cao nhất, thăng tiến

chủ yếu dựa trên năng lực và hiệu quả công tác thực tế. Thông thường các lãnh đạo chiến lược này được luân chuyển qua các vị trí ở các bộ khác nhau. Ngoài luân chuyển, điểm đặc biệt trong công tác đào tạo lãnh đạo chiến lược của Singapore là hệ thống người diu dắt và hệ thống kiểm chức.

1.4. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Hệ thống chính trị Nhật Bản là hệ thống nghị viện, có đặc điểm là phần lớn thời gian đều do 1 đảng (Dân chủ tự do - LDP) cầm quyền dù có bầu cử cạnh tranh. Hệ thống này thường được các nghiên cứu coi là hệ thống một đảng rưỡi (hay một đảng nhỉnh) tức là có một đảng nổi trội cầm quyền nhưng khác với Singapore là cũng có đảng đối lập đủ lớn để cạnh tranh hiệu quả. Các đặc điểm nổi bật của việc lựa chọn lãnh đạo chiến lược của Nhật Bản là:

Thứ nhất, hệ thống lựa chọn lãnh đạo hành chính theo nguyên tắc cạnh tranh, thống nhất, tuần tự.

Ngoài việc nhấn mạnh vào tính tinh hoa, hệ thống lựa chọn lãnh đạo hành chính của Nhật Bản rất khác so với phương Tây ở tính tuần tự và hài hòa cộng đồng, thể hiện ở hai điểm cơ bản:

Thăng tiến theo thế hệ: ngay từ tuyển dụng, các công chức đã được phân tuyến thành hai nhóm cao và thấp. Nhóm cao sẽ gồm những người có bằng chứng về tài năng qua thành tích học tập ở đại học. Bản thân nhóm này sẽ là nguồn cung cấp chủ yếu các lãnh đạo cấp cao. Sự thăng tiến về vị trí luôn áp dụng cho cả nhóm, tức những người cùng thế hệ.

Lựa chọn người kém để loại bỏ: Điều có tính đương nhiên là, càng lên cao thì số lượng các vị trí lãnh đạo càng ít, và do vậy trong nhóm cùng thế hệ không thể đề bạt tất cả. Thay vì chọn người giỏi nhất để đề bạt, Nhật Bản lựa chọn người kém nhất để loại bỏ, tức là chọn người sẽ không được đề bạt. Do vậy, bản thân những người được đề bạt cũng không biết rằng liệu mình có phải là người xuất sắc nhất hay không cho đến khi lên tới cấp cao nhất.

Cách đề bạt theo thế hệ và lựa chọn ngược như vậy có hai ưu điểm: 1) Giữ được sự hòa nhập của các đồng nghiệp, đồng cấp; 2) Giữ được động cơ phấn đấu của đa số vì những người được đề bạt cũng chỉ biết rằng mình không kém nhất, và do vậy vẫn còn cơ hội thăng tiến. Cách thức đề bạt này không làm cho các đồng nghiệp còn lại có thể thấy mình đã hết cơ hội và do đó không làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác và sự gắn kết nhóm.

Bắt đầu từ năm 2001, để tránh sự không nhất quán trong triển khai đường lối chính trị, Nhật Bản mở rộng đội ngũ các thứ trưởng, bao gồm cả các nhân sự do bổ nhiệm chính trị. Bên cạnh thứ trưởng chuyên môn (do thi tuyển và thăng tiến theo nghề nghiệp) như trước kia, Chính phủ có thể bổ nhiệm từ 01 đến 03 thứ trưởng, như người đại diện bộ trưởng, có quyền lực hơn các thứ trưởng chuyên môn, để triển khai các chính sách trong bộ(4).

Thứ hai, hệ thống lựa chọn lãnh đạo chính trị của đảng LDP: tập trung và cạnh tranh phe phái. Do, theo nguyên tắc tập trung và cạnh tranh phe phái, đảng cầm quyền (LDP) không có nền tảng tư tưởng thống nhất và vẫn là đảng với nhiều phe phái rõ ràng, theo đó các đảng viên cao cấp (chủ yếu là các nghị sĩ và các lãnh đạo chính quyền địa phương) thường tụ thành các nhóm quanh lãnh đạo trụ cột của mình. Bản thân các lãnh đạo này đều có các Nhóm ủng hộ

địa phương (koenkai), bao gồm các thành viên tích cực nhằm tuyên truyền và nắm bắt nhu cầu của cử tri, có vai trò quan trọng trong việc vận động bầu cử(5).

Chủ tịch Đảng LDP là nhân vật trung tâm của quyền lực (hiện là Thủ tướng Abe Shinzo), có nhiệm kỳ 02 năm. Việc lựa chọn lãnh đạo trong LDP về hình thức do đại hội bầu chọn, nhưng về thực chất là sự hợp thức hóa các quyết định, thỏa thuận của các lãnh đạo cao cấp.

Mặc dù theo hệ thống đại nghị, nhưng chính trị Nhật Bản bị ảnh hưởng lớn bởi văn hóa Đông Á, theo các mối quan hệ và ảnh hưởng cá nhân có vai trò lớn. Vì vậy, có thể xảy ra trường hợp đảng LDP về tổng thể không được cử tri ủng hộ, nhưng các ứng cử viên của LDP vẫn có thể thắng cử.

Thứ ba, hệ thống bầu cử của Nhật Bản có tính cạnh tranh nhất định. Tuy LDP là đảng thống trị trong nhiều năm, nhưng chính hệ thống bầu cử cạnh tranh như vậy đã khiến LDP phải cải cách, bao gồm cả cải cách trong việc lựa chọn lãnh đạo chiến lược, mà cụ thể ở đây chính là các ứng cử viên ra tranh cử hạ nghị viện. Trong cuộc bầu cử gần nhất, lãnh đạo đảng LDP đã đề cử những ứng cử viên ủng hộ cải cách thay cho thành phần chống đối như một thông điệp về cải cách và đã giành thắng lợi ở ngay tại những nơi mà đảng LDP vốn yếu thế.

1.5. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Hệ thống chính trị của Hàn Quốc về căn bản cũng thiết kế theo hệ thống tổng thống, theo đó tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia vừa là người đứng đầu Chính phủ (hành pháp). Điểm đặc biệt ở Hàn Quốc là có cả vị trí thủ tướng (prime minister) nhưng vị trí này chỉ nên coi là bộ trưởng thứ nhất hơn là thủ tướng như ở các hệ thống đại nghị hay hỗn hợp khác.

Từ năm 2003, nền dân chủ Hàn Quốc có nhiều biến đổi mạnh, nổi bật là bước chuyển từ tính chất phân biệt đẳng cấp, chính trị cá nhân, cục bộ địa phương sang sự bình đẳng, tham gia rộng rãi của người dân và các mạng lưới hoạt động chính trị.

Hệ thống chính trị Hàn Quốc hiện nay có thể được coi là hệ thống đa đảng với các đảng vẫn còn chưa ổn định dù có hai đảng lớn (Đảng Dân chủ và Đảng Tự do). Vai trò của các đảng trong bầu cử tổng thống là tương đối quan trọng. Các ứng cử viên tổng thống của từng đảng cũng được lựa chọn qua bầu cử sơ bộ trong đảng như ở Mỹ. Người thắng cử sẽ được cử làm đại diện cho đảng tham gia tranh cử tổng thống. Tổng thống Hàn Quốc có nhiệm kỳ 5 năm nhưng khác hầu hết các nước khác là chỉ được làm 01 nhiệm kỳ. Quy trình lựa chọn tổng thống của Hàn Quốc dựa trên bầu cử trực tiếp theo phổ thông đầu phiếu, một vòng theo đa số tương đối, tức người có nhiều phiếu nhất (không nhất thiết quá 50%) sẽ trúng cử.

Như vậy, quy trình lựa chọn lãnh đạo của Hàn Quốc hiện nay cũng dựa trên nguyên tắc dân chủ, tương tự như nhiều nước tư bản phát triển khác dù có một số khác biệt, đặc biệt về vị trí thủ tướng, về nhiệm kỳ và chức năng của tổng thống.

1.6. Kinh nghiệm của một số nước tư bản phát triển Âu - Mỹ

Các nước có hệ thống chính trị dân chủ có chung một đặc điểm là quá trình lựa chọn lãnh đạo chiến lược được thực hiện chủ yếu bằng cạnh tranh công khai thông qua hệ thống bầu cử toàn dân.

Trong các hệ thống chính trị này có hai loại lãnh đạo rõ ràng: lãnh đạo chính trị và lãnh đạo kỹ trị hành chính. Tương ứng với đó là hai quy trình lựa chọn hết sức khác biệt. Với các lãnh đạo chính trị, nguyên tắc quan trọng nhất là quyền lực do ủy nhiệm, tức lựa chọn qua bầu cử phổ thông đầu phiếu trực tiếp hoặc gián tiếp. Trong khi đó, với các lãnh đạo kỹ trị, tức các công chức cấp cao, nguyên tắc quan trọng nhất là thẩm quyền chuyên môn, tức lựa chọn qua thi tuyển công khai, khách quan và thông thường không được có quan điểm chính trị riêng mà phải tuân thủ đường lối của lãnh đạo chính trị do dân bầu ra. Phần này chỉ đề cập các lãnh đạo chính trị. Đương nhiên các nước khác nhau có các quy trình lựa chọn khác nhau cho các vị trí khác nhau. Ba nước Anh, Mỹ, Pháp có thể coi là 3 trường hợp điển hình cho 3 loại hệ thống chính trị với các quy trình lựa chọn lãnh đạo chính trị khác nhau.

2. Những gợi mở đối với Việt Nam trong việc lựa chọn lãnh đạo chiến lược

Như nhiều nghiên cứu so sánh các quá trình chính trị lớn, các kết luận rút ra từ các phân tích trên đây có độ tin cậy không cao dù vẫn có thể có ích cho tư duy của chúng ta về vấn đề này. Các nhận xét ở phần này cũng đi theo hướng tác động của hai yếu tố dùng để phân nhóm như trên.

Một là, phương thức lựa chọn lãnh đạo chiến lược của Liên Xô trước đây và của Liên bang Nga hiện nay vẫn dựa trên cơ sở cá nhân, cho dù dưới các hình thức dân chủ. Phương thức này thường có rủi ro về sự thiếu tính kiểm soát cả về nhiệm kỳ cũng như sự kiểm soát thường xuyên từ các nhóm tinh hoa khác rộng hơn và đặc biệt, phương thức này không thúc đẩy sự đổi mới. Do đó, sự ổn định chính trị gắn với phương thức này có tính ngắn hạn, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn trong dài hạn.

Hai là, phương thức lựa chọn lãnh đạo chiến lược của Trung Quốc tỏ ra cân bằng và thích hợp với các điều kiện của một nước lớn, xã hội vô cùng phức tạp cũng như với văn hóa truyền thống Trung Quốc. Các ưu điểm nổi bật của phương thức này là sự đào tạo và rèn luyện công phu và có hệ thống. Những nhược điểm, như tính cá nhân và tính khép kín đang được chỉnh sửa qua phương châm cán bộ tứ hóa và đặc biệt là dân chủ thối tiến và khuynh hướng giải phe phái. Tuy nhiên, vẫn đang tồn tại nhiều vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu.

Ba là, các nước phát triển phương Tây về căn bản đều lựa chọn lãnh đạo chiến lược dựa trên hệ thống bầu cử dân chủ, cạnh tranh. Các ưu điểm của hệ thống này khá rõ, đặc biệt trong việc thúc đẩy sáng tạo, đột phá và kiểm soát lạm dụng quyền lực, vì bầu cử chính là thể chế kiểm soát quan trọng nhất. Tuy nhiên, điểm yếu của phương thức này là rủi ro của chủ nghĩa dân túy rất lớn. Như C.Mác đã nhận xét, dân chủ là cách thức tốt nhất để tạo dựng một nhà độc tài. Phương thức dân chủ như vậy cần có các điều kiện về ý thức xã hội, trình độ phát triển và đặc biệt là sự hiện diện của các thể chế tư vấn tinh hoa và phương tiện thông tin đại chúng chất lượng cao.

Bốn là, trong các nước Đông Á và Đông Nam Á, mỗi nước đều có đặc điểm riêng. Singapore là trường hợp khá đặc thù vì có quy mô nhỏ hơn các nước khác và vẫn đang chịu ảnh hưởng quan trọng bởi tư tưởng của Thủ tướng Lý Quang Diệu với chủ thuyết tinh hoa và chế độ nhân tài. Cách thức lựa chọn như vậy ở các nước có quy mô dân số lớn và đa dạng sắc

tộc có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro vì dễ tạo ra các bất đồng xã hội khó giải quyết. Tuy nhiên, cả Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc đều chấp nhận hệ thống bầu cử đa đảng cạnh tranh. Điểm chung của các quốc gia này là coi trọng tính thứ bậc và trật tự. Vì vậy, hệ thống bầu cử dân chủ kiểu phương Tây có vai trò khác hơn trong lựa chọn lãnh đạo chiến lược.

Ở Việt Nam, có ba điểm nổi bật cần nghiên cứu, đánh giá một cách cụ thể, khoa học, đó là: (1) Thiết kế hệ thống chính trị không tách biệt giới kỹ trị và chính trị, do đó các tiêu chí về tài năng, hiệu quả và đạo đức dễ bị lẫn lộn và vận dụng không thống nhất bằng cách đưa các tiêu chí dù quan trọng cho vị trí này, nhưng lại không thích hợp vào việc lựa chọn cán bộ ở vị trí khác, trong đó có tiêu chí về bằng cấp và tuổi tác. (2) Các thể chế mang tính thúc đẩy sự tham gia rộng và thực chất hơn của các nhóm xã hội cũng như của người dân nói chung vào quy trình lựa chọn lãnh đạo chiến lược còn có mặt hạn chế. Sự tham gia rộng rãi của cộng đồng không chỉ là phép thử về các phẩm chất mà còn là cơ chế quan trọng để thay thế lãnh đạo, đảm bảo sự hòa hợp, đoàn kết nhất thiết phải có cho mọi cộng đồng. (3) Trong công tác cán bộ chưa rõ sự ưu tiên về tính tuân tự hay tính đột phá. Vì vậy, còn có sự vận dụng thiếu thống nhất, tiềm ẩn rủi ro lớn của bảo trợ cá nhân đã được các nghiên cứu chính trị chỉ ra trong quá khứ. Điều này có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức bảo trợ do các mối quan hệ gia đình, dòng tộc; quan hệ đồng hương, quan hệ đồng môn và cả quan hệ lợi ích.

Do đó, các phương hướng cải thiện phương thức lựa chọn lãnh đạo chiến lược ở Việt Nam hiện nay là:

Thứ nhất, phân định rõ các tiêu chí kỹ trị và chính trị (hồng và chuyên) và có hệ thống xác định sự ưu tiên cho từng nhóm, vị trí.

Thứ hai, nhấn mạnh sự rèn luyện và đào tạo thực chất hơn nữa. Coi đây là tiêu chí quan trọng khi lựa chọn chứ không quá dựa vào số phiếu bầu.

Thứ ba, tạo dựng một số thể chế để các tổ chức, các nhóm xã hội có sự tham gia thực chất hơn trong quy trình lựa chọn, dù chỉ đóng vai trò là “bộ lọc cuối cùng” hơn là các thể chế lựa chọn, xác định và đào tạo.

Việc đi sâu vào các giải pháp cho từng phương hướng này rõ ràng cần nhiều dữ liệu cụ thể hơn nữa và cũng như mọi hành động cụ thể, cảnh hướng với các con người và điều kiện tức thời, tại chỗ với tất cả các chi tiết dường như nhỏ nhất lại luôn có tầm quan trọng cao nhất và có tính quyết định trực tiếp nhất.

TS. Ngô Huy Đức, Nguyên Viện trưởng Viện Chính trị học,

Học viện Chính trị quốc gia Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Plate (2010).

(2) Xem thêm Mauzy và Milne (2002), tr.56.

(3) Tạm dịch Cadre là cán bộ lãnh đạo để phân biệt với Non-cadre member, tức đảng viên thường.

(4) Yuko Kaneko (1999). Government Reform in Japan, Báo cáo của Cục Quản lý và Điều phối (Management & Coordination Agency) tr.3

(5) Krauss, E.S., & Pekkanen, R. (2011).

Tài liệu tham khảo:

1. Kihl, Y. W. (2005). Transforming Korean Politics: Democracy, Reform, and Culture. ME Sharpe.

2. Krauss, E. S., & Pekkanen, R. (2011). The Rise and Fall of Japan's LDP: Political Party Organizations as Historical Institutions. Cornell University Press.

3. Reed, S. , Ethan Scheiner, and Michael f. Thies (2012). “The End of LDP Dominance and the Rise of Party-Oriented Politics in Japan”, The Journal of Japanese Studies, Vol 38, No 2, 2012, pp. 353-376

4. Bo, Zhiyue (2014). “Paths to the top leadership in China: the case of provincial leaders” trong Kou, Chien-wen và Xiaowei Zang (Chủ biên) (2014). Choosing China’s Leaders. Routledge, New York.

5. Byung Chul Koh, (1989). Japan's Administrative Elite, University of California Press. LA.

6. D'Agostino, Anthony. (1988). Soviet Succession Struggles: Kremlinology and the Russian Question from Lenin to Gorbachev. Boston: Allen and Unwin.

7. Hough, Jerry F. (1980). Soviet Leadership in Transition, Washington, DC: Brookings Institution.

8. Hough, Jerry F., and Fainsod, Merle. (1979). How the Soviet Union Is Governed. Cambridge, MA: Harvard University Press.

9. Huang, Hsin-hao (2014). “Entry into the Politburo of the CCP A qualitative comparative analysis of institutionalization”trong Kou, Chien-wen và Xiaowei Zang (Chủ biên) (2014). Choosing China’s Leaders. Routledge, New York.

10. Kou, Chien-wen và Xiaowei Zang (2014). “Informal politics embedded in institutional contexts: elite politics in contemporary China”, trong Kou, Chien-wen và Xiaowei Zang (Chủ biên) (2014). Choosing China’s Leaders. Routledge, New York.

11. Kou, Chien-wen và Xiaowei Zang (Chủ biên) (2014). Choosing China’s Leaders. Routledge, New York.

12. MacKenzie, D. và Curan, M. W. (1997). Russia and the USSR in the 20th century (3rd edition), Wadsworth, NY.

13. Mauzy, Diane K. and R.S. Milne (2002). Singapore Politics Under the People's Action Party, Routledge, London.
14. Mitchell, R. Judson. Getting to the Top in the USSR: Cyclical Patterns in the Leadership Succession Process. Stanford, CA: Hoover Institution Press.
15. Rees, E. A. (Chủ biên) và cộng sự (2004). The Nature of Stalin's Dictatorship The Politburo, 1924-1953, Palgrave Macmillan, New York
16. Simmonds, George W., ed. (1967). Soviet Leaders. New York: Crowell.
17. Tanner, M và M. J. Feder, "Family Politics, Elite Recruitment, and Succession in Post-Mao China," The Australian Journal of Chinese Affairs, vol. 30 (July 1993): pp. 89–119.
18. Vries, Michiel S. de, and P. Kim (ed.) (2011). Value and Virtue in Public Administration: A Comparative Perspective. Macmillan, New York.
19. Xiaowei Zang, (2004). Elite Dualism and Leadership Selection in China, Routledge, New York.
20. Dolan, Ronald E. and Robert L. Worden (ed.) (1994). Japan: A Country Study. Washington.
21. Kushida, Kenji E. and Phillip Y. Lipscy (2013). The Rise and Fall of the Democratic Party of Japan, trong "Japan under the DPJ - The Politics of Transition and Governance" (Edited by Kenji E. Kushida and Phillip Y. Lipscy), Stanford University
22. Ngô Huy Đức và Trịnh Thị Xuyên (Chủ biên), Chính trị học so sánh: Từ cách tiếp cận cấu trúc chức năng, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2013.
23. Ngô Huy Đức, Nâng cao năng lực tư duy của cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược, Tạp chí Cộng sản, No 4-2018.
24. Ngô Huy Đức, Trịnh Thị Xuyên, Nguyên tắc và yêu cầu của thiết kế HTCT, Lý luận Chính trị, No 7-2018 (tr. 31).
25. Ngô Huy Đức, Phương thức lựa chọn các nhà lãnh đạo chiến lược trong HTCT Liên Xô trước đây, Tạp chí Tổ chức nhà nước, No 7-2018, (tr. 72).
26. Ngô Huy Đức, Phương thức lựa chọn các nhà lãnh đạo chiến lược trong HTCT Trung Quốc, Tạp chí Tổ chức nhà nước, No-2019.

XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ GẮN VỚI HOÀN THIỆN MÔ HÌNH BỘ ĐA NGÀNH, ĐA LĨNH VỰC

“Tiếp tục xây dựng Chính phủ tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với hoàn thiện mô hình tổ chức Bộ đa ngành, đa lĩnh vực là vấn đề lớn trong tiến trình cải cách bộ máy hành chính Nhà nước hiện nay”, TS. Thang Văn Phúc, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ nhân mạnh khi trao đổi với Công thông tin điện tử Chính phủ.

Ông Thang Văn Phúc nêu rõ: Những cơ sở chính trị pháp lý của tiến trình cải cách Chính phủ đó là Hiến pháp năm 1992 đã xác định trọng tâm cải cách bộ máy nhà nước theo hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một bước cải cách mang tính cách mạng trong xác lập thể chế quản lý nhà nước mới. Các Nghị quyết chuyên đề về cải cách hành chính nhà nước mà trọng tâm là Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII, Nghị quyết các Đại hội của Đảng các Khóa IX, X, XI và XII đã nhất quán theo hướng này.

Theo đó, Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2010 và 2011 - 2020 đã thể hiện tập trung thực hiện mục tiêu xây dựng một nền hành chính phục vụ Nhân dân, phục vụ phát triển theo hướng xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, từng bước hiện đại phù hợp với tiến trình cải cách mở cửa, hội nhập toàn diện với thế giới.

Chúng ta đã tập trung cải cách chuyển đổi chức năng của Chính phủ từ quản lý tập trung, từ vi mô sang quản lý vĩ mô bằng chính sách, pháp luật, lấy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả làm thước đo. Trong đó tập trung vào cải cách thể chế kinh tế phù hợp với chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thể chế tổ chức bộ máy của Chính phủ, của nền hành chính công mới: “Nhà nước, Chính phủ làm đúng việc của mình là xây dựng pháp luật, ban hành chính sách, giám sát thực hiện, còn việc thực hiện được chuyển cho chính quyền địa phương, cho dân, cho xã hội và cho doanh nghiệp theo nguyên tắc “người dân được làm tất cả trừ một số việc pháp luật cấm, còn nhà nước chỉ làm những việc được pháp luật quy định”.

Việc thực hiện nguyên tắc tổ chức Bộ đa ngành, đa lĩnh vực của chúng ta đã đạt được kết quả quan trọng.

Theo đó, chủ trương cải cách tổ chức bộ máy của Chính phủ, của nền hành chính theo hướng tổ chức Bộ đa ngành, đa lĩnh vực được đề ra trong các Nghị quyết Đại hội Đảng từ Đại hội IX đến nay. Chính chủ trương này là yếu tố quan trọng trong quyết định các cơ cấu của Bộ, ngành, làm giảm mạnh số Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ, tinh giản bộ máy Chính phủ từ đầu những năm 2000.

Phóng viên: Có nghĩa là chúng ta cần tư duy mới trong việc thực hiện chủ trương tổ chức Bộ đa ngành, đa lĩnh vực, thưa ông?

Ông Thang Văn Phúc: Yêu cầu cải cách tách chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành với chủ sở hữu các doanh nghiệp nhà nước, tách chức năng quản lý nhà nước với thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện xã hội hóa, chuyển giao một số dịch vụ sự nghiệp công cho xã hội và cho doanh nghiệp.

Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử, từng bước hiện đại hóa nền hành chính là một nhiệm vụ quan trọng của chương trình tổng thể cải cách hành chính đã được xác định từ Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2010, làm cho bộ máy hành chính công từng bước khắc phục được nhiều cấp hành chính cùng tham gia trực tiếp giải quyết công việc của dân, doanh nghiệp, làm cho người dân, doanh nghiệp có điều kiện quan hệ trực tiếp với các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xử lý công việc, khắc phục các khâu trung gian, cùng với mô hình một cửa, tại chỗ của Trung tâm hành chính công từ xã đến cấp huyện, cấp tỉnh được xác lập đem lại hiệu quả thiết thực trong quan hệ nhà nước với dân.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trung ương - địa phương, đề cao trách nhiệm tự chủ về những công việc được phân cấp, phân quyền, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Trung ương và cấp trên, làm giảm nhẹ bộ máy từ Chính phủ, Bộ, ngành.

Tổ chức vận hành của nhà nước pháp quyền cũng là yếu tố quyết định việc điều chỉnh chức năng và cơ cấu lại Chính phủ, Bộ, ngành theo hướng tinh gọn, giảm bớt số lượng và cơ cấu bên trong của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Một chủ trương nhất quán được xác định trong các văn kiện của Đảng từ Đại hội IX, X, XI, XII là nguyên tắc tổ chức Bộ đa ngành, đa lĩnh vực. Đây là cơ sở cho phép cơ cấu Chính phủ tinh gọn hơn, giảm số lượng Bộ, cơ quan ngang Bộ từ 38 (trước năm 1986) xuống còn 22 (sau năm 2006), kể cả thành viên Chính phủ cũng giảm đáng kể (từ 10 Phó Thủ tướng + 32 Bộ trưởng trước năm 1986 xuống 4 đến 5 Phó Thủ tướng + 22 Bộ trưởng sau năm 2006).

Rõ ràng từ đầu những năm 2000 đến nay, tổ chức bộ máy Chính phủ đã thực hiện một bước quan trọng trong tinh giản bộ máy Chính phủ tương đối hợp lý, giảm từ số lượng thành viên Chính phủ (còn 4 đến 5 Phó Thủ tướng và 22 Bộ trưởng) với chức năng, nhiệm vụ thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tới các Bộ, cơ quan ngang Bộ, khắc phục từng bước sự chồng chéo và khoảng trống trong quản lý của các ngành, lĩnh vực, giảm bớt được các cơ cấu phụ như các ủy ban, ban phối hợp liên ngành, đề cao trách nhiệm của các Bộ, ngành trên nguyên tắc quản lý thống nhất của Bộ, ngành về lĩnh vực được phân công.

Phóng viên: Theo ông, đâu là vấn đề mấu chốt để tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy Chính phủ khóa XV (2021 - 2026)?

Ông Thang Văn Phúc: Tiến hành xác định rõ việc phân công quyền lực của các cơ quan Quốc hội, Chính phủ, cơ quan tư pháp về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền bảo đảm tính độc lập tương đối của cơ cấu này, tạo điều kiện để thực hiện quyền giám sát lẫn nhau giữa 3 quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Tuy nhiên, tôi xin tập trung vào Chính phủ với vai trò, chức năng hành pháp và cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

Các cơ quan Chính phủ đề cao trách nhiệm công vụ, thực hiện chức năng kiến tạo, bà đỡ cho mọi sự phát triển, hành động kịp thời của Chính phủ ứng phó với tất cả sự thay đổi, quyết định thể chế, chính sách, nhanh chóng xử lý những điểm nghẽn và sự chậm trễ trong giải quyết các công việc của dân, doanh nghiệp, kết nối và huy động có hiệu quả các nguồn lực phát triển ở trong nước và quốc tế. Đề cao tính minh bạch và trách nhiệm của bộ máy hành chính các cấp, chịu sự giám sát, tham gia của người dân và xã hội.

Chính phủ có vai trò thực hiện mục tiêu hiện đại hóa đất nước, trong lĩnh vực thể chế phải tập trung giải quyết tốt 3 trụ cột của phát triển là xây dựng bộ máy hành chính đồng bộ, từng bước chuyên nghiệp, hiện đại, có thứ bậc chặt chẽ, thực hiện kỷ cương pháp luật có sự phân công, phân cấp và phân quyền hợp lý.

Áp dụng nguyên tắc thị trường trong các quyết sách kinh tế, khuyến khích phát triển bình đẳng mọi thành phần kinh tế còn tồn tại lâu dài trong thời kỳ quá độ. Triệt để tuân thủ các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường.

Xác lập thể chế trách nhiệm giải trình của nhà nước, của Chính phủ theo hướng công khai, minh bạch, thu hút có hiệu quả sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách pháp luật.

Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ tinh giản hơn nữa, thực hiện tốt các chức năng cơ bản đã được Hiến pháp năm 2013 quy định. Đó là, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, xác định các nhiệm vụ chính của Chính phủ, và chỉ có Chính phủ mới đủ cơ sở pháp lý thực hiện (Chính phủ ban hành chiến lược, chính sách, xây dựng trình các dự án luật, pháp lệnh, các quyết sách quan trọng của quốc gia ở tầm vĩ mô).

Chuyển giao triệt để những vấn đề thực hiện chính sách, pháp luật cho các cấp chính quyền, cho xã hội và doanh nghiệp trên cơ sở phân cấp, phân quyền phù hợp và giữ quyền kiểm tra, giám sát để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống chính sách pháp luật trong một nhà nước đơn nhất.

Phân công thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong Chính phủ, bảo đảm thống nhất, thông suốt, khắc phục chồng chéo, bỏ trống nhiệm vụ quản lý nhà nước và xử lý những vấn đề mới phát sinh trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế toàn diện.

Tiếp tục cơ cấu lại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, xác lập nhất quán mô hình tổ chức Bộ đa ngành, đa lĩnh vực, có cơ cấu bên trong thống nhất, có cấu trúc khoa học, hợp lý, khắc phục những nhận thức còn lệch lạc, chưa đúng về mô hình tổ chức Bộ đa ngành, đa lĩnh vực (như tính cơ học, bộ nhỏ trong bộ, lẫn lộn tham mưu với thực hiện...).

Phóng viên: Chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Bộ đa ngành, đa lĩnh vực như thế nào, thưa ông?

Ông Thang Văn Phúc: Trong các quốc gia phát triển trên thế giới, nhất là nhóm nước G7 đều có cơ cấu Chính phủ với số lượng các Bộ rất ít (từ 12 - 16 Bộ), thậm chí số lượng còn ít hơn như Thụy Sĩ, Chính phủ chỉ có 7 Bộ. Đây là một bài học kinh nghiệm trong tiến trình cải cách cơ bản bộ máy nhà nước và Chính phủ Việt Nam. Lý luận cơ bản của họ là nhà nước làm

đúng việc của mình, còn lại là của chính quyền địa phương, là của dân, của xã hội thực hiện theo hướng cải cách “nhà nước nhỏ, xã hội lớn”.

Ở nước ta, cùng với quá trình đổi mới, cải cách cơ cấu lại bộ máy nhà nước và Chính phủ cho phù hợp với vai trò, chức năng mới cũng nên tham khảo của các quốc gia phát triển.

Trong tiến trình đổi mới cải cách các cơ quan khoa học quản lý, các nhà nghiên cứu đã đi sâu nghiên cứu lý luận để làm rõ bản chất quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Hiện nay, nhiều nghiên cứu đã đưa ra các tiêu chí để nhận thức khi tổ chức Bộ đa ngành, đa lĩnh vực. Đó là, Bộ được giao quản lý nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội nhưng phải có cùng tính chất hoặc có mối quan hệ gần gũi, gắn với nhau. Thực tiễn hoạt động giữa các Bộ có chức năng, nhiệm vụ giao nhau, chồng chéo, gây khó khăn khi thực hiện chính sách, pháp luật. Việc nghiên cứu chia tách, hay sáp nhập các bộ không được áp đặt, cơ học hay gượng ép. Nếu Bộ được lập mới do sáp nhập phải đạt mục tiêu tổ chức lại, tinh giản đầu mối, quản lý thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Do đó, việc tổ chức thu gọn đầu mối của Chính phủ thực sự là một công việc phải từ yêu cầu Chính phủ tinh gọn, nhưng hiệu lực, hiệu quả cao hơn. Như vậy cần kiên trì, nhất quán và một ý chí chính trị rất cao trong quá trình triển khai thực hiện.

Phóng viên: Trân trọng cảm ơn ông!

Nguồn: baochinhpvu.vn

TRUYỀN “LỬA” CẢI CÁCH CỦA THỦ TƯỚNG TỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Theo nhận định của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, Tổ công tác của Thủ tướng đã giao “đúng người đúng việc”; không ngại va chạm, sát sao, tháo gỡ được nhiều vụ việc tồn đọng và truyền “lửa”, truyền đạt được sự quyết tâm và tinh thần, thông điệp cải cách của Thủ tướng Chính phủ đến các Bộ, ngành, địa phương.

Truyền lửa thông điệp của Thủ tướng

Phát biểu tại Hội nghị trực tuyến tổng kết 5 năm hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ sáng ngày 16/3, Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thanh Long cho biết Bộ Y tế đánh giá cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ trưởng Nguyễn Thanh Long nêu tinh thần Chính phủ kiến tạo, đổi mới, phát triển của Thủ tướng đã được truyền đạt qua sự quyết tâm và truyền lửa của Tổ công tác. Tổ công tác đã không ngại va chạm, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương để thực hiện những chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ trong xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển.

Hai vấn đề Tổ công tác luôn đặt ra để nhắc nhở trong các cuộc làm việc của các Bộ là: Hoàn thành nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và tinh thần cải cách, đổi mới. Chính tinh thần này đã thúc đẩy các Bộ trong tổ chức, triển khai các nhiệm vụ, bên cạnh đó Tổ công tác khi làm việc với các Bộ đã truyền đạt được tinh thần đổi mới của Chính phủ.

Một câu chuyện được Bộ trưởng Bộ Y tế nhắc tới là về sự phối hợp của Tổ công tác và Bộ Y tế liên quan đến việc ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Trước đó, trong lĩnh vực này có rất nhiều thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh gây khó khăn cho doanh nghiệp, gây cả khó khăn cho cơ quan quản lý. Trên tinh thần làm việc không ngại va chạm của Tổ công tác cùng Bộ Y tế, Bộ đã xây dựng Nghị định số 15/2018/NĐ-CP rất tiên tiến, thay đổi căn bản trong cách thức quản lý an toàn thực phẩm, chuyển từ quản lý tiền kiểm sang quản lý hậu kiểm; nâng cao trách nhiệm, vai trò của cơ sở sản xuất kinh doanh...

Câu chuyện thứ hai là về cuộc làm việc thứ 3 của Tổ công tác với Bộ Y tế, đây là thời điểm có nhiều vấn đề khó khăn đặt ra với doanh nghiệp trong bối cảnh dịch COVID-19. Tổ trưởng Tổ công tác đã truyền đạt chỉ đạo của Thủ tướng là các Bộ, ngành phải cắt giảm điều kiện kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện mục tiêu kép của Chính phủ, vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế.

Kết quả, ngày 31/12/2020, Bộ Y tế đã ban thành Thông tư số 29/2020/TT-BYT, đây là thông tư có rất nhiều "kỳ lục" bởi Bộ Y tế đã phải rà soát 547 văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy định có liên quan của ngành y tế về sức khỏe; lắng nghe, tiếp thu 200 ý kiến về sản xuất kinh doanh dược phẩm. Khi ban hành thông tư này đã sửa đổi 11 thông tư và bãi bỏ 28 thông tư, cởi trói cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhập khẩu dược phẩm để bảo đảm dược phẩm cung cấp cho thị trường Việt Nam.

Bộ trưởng Bộ Y tế nhấn mạnh: "Truyền đạt được sự quyết tâm của Chính phủ đến các Bộ, ngành, địa phương chính là Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ".

Không ngại va chạm

Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan Mai Xuân Thành nêu ý kiến, Tổ công tác đã góp phần tạo đột phá, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo lan tỏa mạnh mẽ trong hệ thống hành chính nhà nước. Với ngành Hải quan, cùng với sự đôn đốc của Tổ công tác, Tổng cục đã đạt được một số kết quả trong quá trình xây dựng Cổng thông tin một cửa quốc gia, triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN; tích hợp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia..., đến nay mức độ hài lòng với người dân với các thủ tục hành chính điện tử ngày càng cao.

Về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, qua các cuộc làm việc của Tổ công tác với Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đã cắt giảm, đơn giản hóa 19/29 điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hải quan; cắt giảm 22/52 thành phần hồ sơ; đã thực hiện bãi bỏ hoàn toàn thủ tục xác nhận tờ khai một cấp đối với phương tiện giao thông vận tải nhập khẩu vì mục đích thương mại.

Tổ công tác có vai trò lớn và tạo ra thay đổi trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành, tháo gỡ nhiều cho doanh nghiệp về thủ tục chòng chéo. Đã có 21 cuộc làm việc của Tổ công tác với Bộ, ngành về lĩnh vực này, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành

Nghị quyết hàng năm giao cho Tổng cục Hải quan làm đầu mối trong cải cách, đổi mới mô hình kiểm tra chuyên ngành.

Ông Mai Xuân Thành nhận định, Tổ công tác đã không ngại va chạm với các Bộ, ngành, trực tiếp, sát sao trong các công việc. Tổ công tác cũng kịp thời nắm bắt, tham mưu để tháo gỡ các vụ việc tồn đọng, vướng mắc trong nhiều năm.

"Sáng kiến thành lập Tổ công tác và hoạt động Tổ công tác trong thời gian qua cho thấy Tổ công tác đã giao đúng người đúng việc", Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan Mai Xuân Thành cho biết.

Tổ công tác là "đặc sản" đặc biệt

Về phía các doanh nghiệp, ông Trương Gia Bình, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn FPT cho biết, trong các cuộc gặp gỡ giao lưu quốc tế gần đây, ông nhận thấy sự quan tâm đến Việt Nam tăng một cách đột biến. Dẫn chứng tạp chí The Politico (Hoa Kỳ) đánh giá Việt Nam có kết quả tốt trên thế giới trong thời gian qua về hiệu quả kinh tế và sức khỏe cộng đồng và họ quan tâm vì sao Việt Nam lại làm được việc này, ông Bình lý giải là do Việt Nam có niềm tin của người dân, doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn FPT cũng khẳng định, Tổ công tác là một sáng kiến và sáng kiến này đã giao cho đúng người, đúng việc.

Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Vũ Tiến Lộc cho rằng trong nhiệm kỳ Chính phủ này có rất nhiều "đặc sản", trong đó Tổ công tác của Thủ tướng chính là một "đặc sản" quan trọng nhằm vào giải quyết điểm nghẽn của quá trình cải cách là thực thi quyết định của Thủ tướng.

Ông Vũ Tiến Lộc cho rằng, việc thành lập Tổ công tác của Thủ tướng là điều hợp lý, dẫn chứng bằng con số như: ở đầu nhiệm kỳ có 25% nhiệm vụ Thủ tướng giao cho Bộ, ngành, địa phương quá hạn; Tổ công tác có nhiệm vụ giúp Thủ tướng khắc phục điểm nghẽn này.

"Sau 5 năm hoạt động, số nhiệm vụ chưa thực hiện chỉ còn 1,8%, đây là con số biết nói", ông Lộc nhấn mạnh.

Chủ tịch VCCI cũng nêu trong nhiệm kỳ Chính phủ này có 3 đợt sóng cải cách và đều có dấu ấn của Tổ công tác: Đầu tiên là thực hiện Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp mới đã xóa bỏ hàng nghìn giấy phép con; thứ hai là cắt giảm gần 50% các điều kiện kinh doanh và thủ tục kiểm tra chuyên ngành; thứ 3 là năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP với mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Trong nhiệm kỳ này không chỉ cải cách hành chính mà xây dựng Chính phủ điện tử cũng được thúc đẩy mạnh mẽ, trong đó, Tổ công tác đóng vai trò tích cực.

"Tổ công tác góp phần truyền lửa và thông điệp cải cách của Thủ tướng Chính phủ đến các Bộ, ngành, địa phương. Hoạt động của Tổ công tác có tác động lan tỏa quan trọng góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hỗ trợ cho người dân", ông Vũ Tiến Lộc nhận định.

Ông Vũ Tiến Lộc nhấn mạnh 5 điểm chính dẫn đến sự thành công của Tổ công tác: Thứ nhất, Thủ tướng đã rất quyết liệt và tin tưởng giao nhiệm vụ cho Tổ công tác. Thứ hai, các cơ quan tham vấn, các hiệp hội chung tay cùng Tổ công tác. Thứ ba, báo chí, các cơ quan truyền thông đã đồng hành với Tổ công tác. Thứ tư, thành viên Tổ công tác và bộ máy giúp việc rất tận tâm; thứ năm là Tổ trưởng Tổ công tác không ngại va chạm.

Đại diện ngành dệt may Việt Nam cho biết, Tổ công tác đã sát sao, lắng nghe và tham mưu để Chính phủ tháo gỡ khó khăn cho ngành dệt may Việt Nam. Đại diện ngành dệt may bày tỏ cảm ơn Tổ công tác cùng các Bộ, ngành đã tạo điều kiện cho ngành dệt may Việt Nam phát triển ổn định và tăng trưởng trong thời gian tới.

Nêu ý kiến tại hội nghị, đại diện tỉnh Thái Nguyên và Bình Phước đều nhấn mạnh Tổ công tác luôn triển khai nhiệm vụ với tinh thần khách quan, công tâm, tích cực xử lý các vướng mắc của các địa phương. Tỉnh Bình Phước cho biết, trong năm qua hoạt động Tổ công tác đã tháo gỡ nhiều cho các địa phương, trong đó có tỉnh Bình Phước. 572 nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao đều được tỉnh Bình Phước thực hiện bảo đảm tiến độ. Bình Phước quyết tâm thúc đẩy trở thành tỉnh bứt phá ở khu vực phía Nam.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NGHỊ ĐỊNH HỢP NHẤT

QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

Ngày 21/01, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân đã ký ban hành Văn bản số 01/VBHN-BNV hợp nhất Nghị định của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế.

Theo đó, ngày 10/12/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, công chức từ Trung ương đến cấp xã; viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và theo các quy định khác của pháp luật; Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, kiểm soát viên trong các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước hoặc do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội làm chủ sở hữu (không bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo chế độ hợp đồng lao động); những người là cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền cử làm người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước; người làm việc trong biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tại các hội.

Nguyên tắc tình giản biên chế

Phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong quá trình thực hiện tình giản biên chế; phải được tiến hành trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức và thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật; phải bảo đảm chi trả chế độ, chính sách tình giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật; người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tình giản biên chế trong cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý theo thẩm quyền.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng tối đa 50% số biên chế đã thực hiện tình giản và giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật để tuyển dụng mới công chức, viên chức và lao động hợp đồng, bảo đảm thực hiện tình giản biên chế theo đúng quy định của Đảng và của pháp luật. Trường hợp Bộ, ngành, địa phương được thành lập tổ chức mới hoặc được cấp có thẩm quyền giao thêm chức năng, nhiệm vụ, thì Bộ, ngành, địa phương tự cân đối trong tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao để bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trường hợp tinh giản biên chế

Thứ nhất, cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và cán bộ, công chức cấp xã hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức), thuộc đối tượng tinh giản biên chế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự;

b) Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác;

c) Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

d) Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

đ) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

e) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

g) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật hoặc năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

h) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

Thứ hai, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ) dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

Thứ ba, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn tại các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

Thứ tư, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, kiểm soát viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu dôi dư do thực hiện cổ phần hoá, giao, bán, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, phá sản hoặc chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc chuyển thành đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của các nông, lâm trường quốc doanh dôi dư do sắp xếp lại theo quy định của Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh, Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh.

Thứ năm, những người là cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia quản lý hoặc đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước mà dôi dư do cơ cấu lại doanh nghiệp đó.

Thứ sáu, những người làm việc trong biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho các hội thuộc danh sách dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Thứ bảy, những người đã là cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền điều động sang công tác tại các hội được giao biên chế và ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để trả lương nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm đ, e, g Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Chính sách về hưu trước tuổi

Một là, đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại

Khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng các chế độ sau: a) Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; b) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại Khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động; c) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tháng tiền lương.

Hai là, đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và chế độ quy định tại các điểm a và c Khoản 1 Điều 8 Nghị định này và được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động.

Ba là, đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này nếu có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại Khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Bốn là, đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này nếu có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Chính sách thôi việc

Chính sách thôi việc ngay, những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này có tuổi tối đa thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại Khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này hoặc có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này nếu thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp sau: a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm; b) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Chính sách thôi việc sau khi đi học nghề, những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này có tuổi đời dưới 45 tuổi, có sức khỏe, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật nhưng đang đảm nhận các công việc không phù hợp về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, có nguyện vọng thôi việc thì được cơ quan, đơn vị tạo điều kiện cho đi học nghề trước khi giải quyết thôi việc, tự tìm việc làm mới, được hưởng các chế độ sau: a) Được hưởng nguyên tiền lương tháng hiện hưởng và được cơ quan, đơn vị đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian đi học nghề, nhưng thời gian hưởng tối đa là 06 tháng; b) Được trợ cấp một khoản kinh phí học nghề bằng chi phí cho khoá học nghề tối đa là 06 tháng tiền lương hiện hưởng để đóng cho cơ sở dạy nghề; c) Sau khi kết thúc học nghề được trợ cấp 03 tháng lương hiện hưởng tại thời điểm đi học để tìm việc làm; d) Được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội; đ) Trong thời gian đi học nghề được tính thời gian công tác liên tục nhưng không được tính thâm niên để nâng lương hàng năm.

Các đối tượng thôi việc quy định tại Khoản 1, 2 Điều 10 Nghị định này được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; không được hưởng chính sách thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Cán bộ, công chức, viên chức do sắp xếp tổ chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ bầu cử. Trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm hoặc nhiệm kỳ bầu cử còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng.

Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt danh sách và dự toán kinh phí thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp kinh phí từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2015. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030...

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị quyết định:

Điều động, bổ nhiệm ông Lê Hoài Trung, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao giữ chức vụ Trưởng ban Ban Đối ngoại Trung ương.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Thành Công, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

* Tỉnh Nam Định:

Miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với ông Nguyễn Phùng Hoan, chuyển công tác khác.

Ông Nguyễn Phùng Hoan, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Ông Trần Anh Dũng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Bà Hà Lan Anh, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nguồn: baohinhphu.vn